

SỐ 1726

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA

*Đại sư Thiên Thai Trí Giả Đồi Tuy, nói
Học trò là Quán Đảnh ghi.*

QUYỂN THƯỢNG

Pháp giới viên dung tượng vô sở tượng, chân như thanh tịnh hóa vô sở hóa, tuy tượng vô sở tượng nhưng chẳng có gì mà không giống, hóa vô sở hóa nhưng chẳng có gì mà không hóa, cho nên thân không ở đâu, mà không đâu chẳng ở, hóa hiện ứng khắp chín đường, ở nơi Hữu mà không vắng lặng hẳn nhập vào ý chỉ Không hai. Đó là vì ba nghiệp chí thành cầu mong thoát khỏi bờ khổ, bốn hoàng nguyện lời thề khiến cho được hưởng vui hưởng thượng, vì vậy ở thế giới Ta bà được tên gọi Vô úy, nơi Phật Bảo Tạng nhận lãnh gọi là Quán Âm, đã thành tựu Chánh giác gọi là Chánh Pháp Minh, kế là Bồ xứ, gọi là Phổ Quang Công Đức, bốn tích đó như vậy há có thể suy lường biết được sao? Phương tiện tùy duyên hướng về nêu một tên gọi đó thôi.

Nay nói Quán Thế Âm, chính âm của Tây thổ gọi là A-da-bà-lâu-cát-đê-thâu, Hán dịch là Quán Thế Âm, tức năng Sở viên dung gồm đủ, thông suốt có - không. Soi chiếu tận cùng chánh tánh. Xét kỹ ngọn ngành nên gọi là Quán, Thế Âm là cảnh sở quán, muôn tượng lưu động cách sai khác nhau, âm loại xướng lên khác nhau đều được nương nhờ lia khổ, Bồ-tát tử bi rộng lớn trong một lúc cứu giúp rộng khắp, đều khiến cho giải thoát nên gọi là Quán Thế Âm. Đây chính là cảnh trí cùng nêu, năng sở hợp lại đề cử. Kinh là do nghĩa, văn, lý thể hiện phát khởi đan xen thành tâm (điểm) của người tu hành, nên gọi là Kinh. Phổ Môn: Phổ nghĩa là của rộng khắp, Môn là năng thông, dùng một thật

tướng khai bày mười cửa rộng khắp, không có gì ngăn ngại cách trở nên gọi là Phổ Môn. Phẩm là loại cũng có nghĩa tương tự thuận theo nhau nên gọi là Phẩm. Đại Bộ đã có năm chương trình bày nghĩa, nay Phẩm cũng giải thích điều này, có năm ý: 1. Giải thích tên gọi. 2. Nêu ra Thế. 3. Nói về tông. 4. Nói về Dụng. 5. Giáo tướng.

Giải thích tên gọi chia làm hai: 1. Giải thích chung. 2. Giải thích riêng. Chung là người - pháp hợp lại để trình bày, riêng khác là người - pháp đều nói. Vì sao như vậy? Vì duyên có lợi - độn nên nói có mở rộng - tóm lược.

Nay giải thích chung chia làm bốn: 1. Nêu ra tên gọi. 2. Thứ lớp. 3. Giải thích. 4. phân biệt.

Nêu ra tên gọi có mười nghĩa để giải thích chung. Vì sao như vậy? Vì chí lý thanh tịnh không có danh, không có tướng chẳng phải pháp, chẳng phải người, vượt qua các số lượng chẳng phải một, hai, ba, chỉ diệu lý như hư không thông suốt trong có danh tướng mà mượn danh tướng nói, cho nên lập ra danh của vô danh tạm gọi là người và pháp. Tuy chẳng phải số lượng mà cũng nói về số lượng, vì thế Đại Luận chép: “Bát-nhã là một pháp mà Phật nói thành nhiều loại tên gọi, tùy theo các loại chúng sanh đặt tên tên gọi khác nhau”.

Ở đây nói sơ lược dùng mười nghĩa để giải thích ý chung. Mười nghĩa ấy là: 1. Người pháp. 2. Từ bi. 3. Phước tuệ. 4. Chân ứng. 5. Được châu. 6. Hiện, ẩn, 7. Quyền thật. 8. Bốn tích. 9. Duyên liễu. 10. Trí đoạn. Nói về thứ lớp ấy ở đây có hai ý: Một là dựa theo quán để trình bày thứ lớp, hai là dựa theo Giáo để trình bày thứ lớp. Dựa theo Quán thì toàn bộ tâm ban đầu - chặng giữa - sau cuối đều là nhân trọn vẹn quả đầy đủ. Dựa theo Giáo thì bao gồm các kinh Đại - Tiểu - Tiệm - Đốn. Dựa theo Quán lấy người pháp làm đầu là muốn trình bày thực hành quán chắc chắn phải có người mà người đó phải đúng theo pháp, Ví như người chịu một kỳ hạn quả báo thu nhận ấm trở thành con người, tuy có đủ vô lượng đức hạnh nhưng nhất định phải trước nêu lên tên “Người”. Vì vậy đặt người và pháp ở đầu, ý cũng như thế, người pháp đặt ở đầu trong chín nghĩa có thể như vậy, đâu có ý theo dùng người pháp làm thứ hai căn? Điều này cần phải y cứ theo kinh, kinh chép: “Vì nhân duyên này mà gọi là Quán Thế Âm”, tức là nói về người trước, sau chép: “Nhờ năng lực phương tiện thị hiện Phổ Môn”, tức là lại nói về pháp mà con người có khả năng nắm giữ pháp, cho nên nói là người pháp. Kế đến nghĩa hai là từ bi. Vì người của Quán Âm quán sát đối với pháp thật tướng của Phổ Môn, đạt đến lý thật tướng chẳng phải người - chẳng

phải tất cả chúng sanh cũng giống như thế, cho nên Hoa Nghiêm chép: “Tâm - Phật và chúng sanh ba thứ ấy không có sai khác, lý này đầy đủ trọn vẹn không có thiếu hụt giảm bớt”. Vì sao lý chúng sanh đầy đủ mà tình mê điên đảo khổ não? Đã quán sát là mình thì phát khởi từ bi thể nhỏ sạch khổ đau ban cho an vui, vì thế cho nên nói về từ bi. Lại nữa, hoặc xét theo lời nói tiện lợi, thì ban đầu Từ và sau là Bi, cũng là xác định bản hòa của Bồ-tát là muốn đại từ ban cho niềm vui. Đã không được vui sướng thì kế đó đại bi nhỏ sạch khổ đau, cho nên ban đầu là Từ về sau là Bi. Nếu theo sử dụng thứ lớp, thì ban đầu dùng đại bi dứt trừ khổ đau, sau đó mới dùng đại từ ban cho niềm vui. Lại căn cứ ở hành thì trước tiên thoát khổ sau mới được vui, cho nên trước là Bi sau là Từ. Nay thuận theo thứ lớp của nghĩa trước. Ba là Phước tuệ là ban đầu thì người là pháp cùng thành tựu, ở đây y cứ tín làm nền tảng, kế thì từ bi ban cho và dứt trừ ấy là xét theo nguyện, muốn viên mãn nguyện này chắc chắn cần phải tu hành, tu hành không ngoài phước tuệ, Tuệ chính là Bát-nhã - Phước tức là năm độ, giúp đỡ dẫn dắt lẫn nhau để thực hành thuận theo nguyện - sự lý trọn vẹn đầy đủ. Nếu trí tuệ tăng thêm rõ ràng thì nghĩa đại bi thể nguyện viên mãn - dứt trừ khổ đau khéo thành. Nếu phước đức sâu dày thì nghĩa đại thể nguyện đầy đủ - ban cho niềm vui khéo thành. Vì vậy phước tuệ đặt ở thứ ba thì lại nữa, lời nói là thuận tiện, trước tiên là phước - sau đó là tuệ. Nếu bản ý hóa cảm người khác trước tiên muốn lợi ích tuệ chân thật, nếu họ không kham nổi phước đức. Lại giúp đỡ cho nên trước tiên là phước, vì dẫn dắt nên trước là tuệ. Bốn là Chân ứng: Nếu trí tuệ chuyển biến sáng tỏ thì phù hợp với pháp tánh, pháp tánh tức là tên gọi thật tướng, là pháp thân. Pháp thân đã hiển bày thì có khả năng thuận theo chân mà khởi ứng thân, chân hiển bày ứng thì khởi hiện chỉ căn cứ vào phước tuệ mở phát, cho nên thứ lớp ở thứ tư. Lại nữa, nếu căn cứ phương tiện hóa vật, thì trước dùng ứng sau dùng chân, nay thuận theo nghĩa trước làm thứ lớp. Năm là trình bày về hai thân thuộc và châu - trước nói về chân ứng, mới thẳng nói về chứng đắc chưa trải qua lợi người. Nay trình bày hai thân đều có thể ích lợi cho người khác. Chân thân phá trừ chấp tướng? Dụ như được, ứng thân đối với muôn cơ tương tự như châu. Ngay nơi hai chữ đã nói về thứ lớp tương tự so với từ bi. Sáu là trình bày về ẩn hiển - Trước đây trình bày đạo lý hai thân tức là có khả năng hiển rõ lợi ích, nay giải thích được duyên được lợi ích thâm kín hoặc được lợi ích lộ rõ, cho nên kế là trình bày sau hai thân. Bảy: Nói về quyền thật - Trước đây duyên được lợi ích ý nào khác nhau? Bởi quyền xảo không giới hạn phương, hợp cơ thỏa

đáng một đũa, lực của hai Trí không bỏ lỡ thích nghi, cho nên lấy điều này làm thứ tư vậy. Trước Quyền sau Thật ấy là ở đây xét theo cạn sâu làm thứ lớp. Nếu dựa vào văn kinh thì trước dùng Thật ích kế là dùng Quyền độ, ở đây tùy theo vật làm thứ lớp. Nếu căn cứ bản ý của Phật, trước tiên chỉ vì một đại sự nhân duyên, trước hết hiển bày Thật ích, chúng sanh chưa thể lãnh hội thì sau sử dụng Quyền độ. Tám: Nói về bốn tích - Tuy là khéo léo Quyền Thật lợi ích cho chúng sanh mà khéo léo có hơn, kém chắc chắn là trí bốn tích thượng trung hạ khác nhau, Quyền Thật sơ lược mà lại rộng, nay muốn phân định tinh tế cao thấp để trình bày thứ lớp địa vị. Nếu Bốn đó cao thực hiện Tích của Quyền Thật thì diệu. Vì thế cho nên kế sau là sơ lược chung biện nói về khả năng tinh tế vi diệu đó. Chẳng phải bản không do đâu hiện Tích tích cho nên trước hết nói về Bốn, chẳng phải Tích không lấy gì hiển Bốn cần phải trước Tích. Chín là: Nói về liễu nhân duyên nhân - Trên đây người thực hành phát tâm tu hành thuận theo nhân sẽ được quả, hóa tha lợi vật cạn sâu không giống nhau, từ người - pháp đến chân ứng là thứ lớp tự hành, từ Dục châu đến Bốn tích là thứ lớp hóa tha. Đây chính là lần lượt luận không phải là trở lại bàn về nguồn gốc. Nay bắt nguồn hạt giống tánh đức, nếu người quán trí bi tâm thế nguyện, trí tuệ trang nghiêm hiển bày rõ ra Chân thân, đều là Liễu nhân làm hạt giống. Nếu là pháp Phổ Môn Từ tâm thế nguyện, phước đức trang nghiêm biểu hiện rõ ra ứng thân, đều là duyên nhân làm hạt giống, cho nên thứ lớp đường thứ chín. Mười - Nói về trí đoạn.

- Trước trình bày về duyên liễu là lùi lại bàn về nguồn gốc của nhân, nay nói về trí đoạn là lần lượt nói về rốt ráo. Ban đầu thì phát khởi từ liễu nhân cuối cùng thì Bồ-đề đại trí. Ban đầu thì phát khởi từ duyên nhân cuối cùng thì Niết-bàn đoạn đức. Nếu đi vào Niết-bàn thì các hành dừng nghỉ, cho nên ở thứ mười.

- Hai là dựa theo các giáo nói về thứ lớp ấy, lại chia làm Thông giáo Biệt giáo riêng. Nghĩa Thông giáo có thể hiểu, Biệt giáo nay sẽ nói. Như Hoa Nghiêm đốn giáo - giáo tên là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, dựa vào đề ban đầu nói về người - pháp, người này nắm giữ pháp chắc chắn có tâm từ bi, Bồ-tát tu nhân rõ ràng ở phước tuệ, đã ở vị nhập địa chắc chắn chứng đạt chân ứng, đã có thể lợi ích chúng sanh thì giải thích về Dục châu. Vật được lợi ích đó có ngầm kín có hiển rõ, mà chưa được nói về tách biệt Quyền thật - Bốn tích - Duyên liễu - Trí đoạn. Nghĩa chung thì có, ý riêng thì không, vì sao như vậy? Vì một thời kỳ hóa độ chúng sanh của Phật trình bày đối với đốn tiệm,

đốn giáo tuy có nói mà tiệm giáo chưa nói rõ, do đó không nói về bốn ý. Sở dĩ không nói là vì kinh đó nói. Tiểu thừa ngăn cách với Đại thừa như đếc như cầm, che lấp Quyền này chưa hiển rõ Thật, cho nên chép: “Lặng yên lâu đây làm chính, không cần vội nói ra”, vì vậy nói không có Quyền thật. Nói không có bốn tích ấy là kinh kia chưa gợi mở dấu tích của thân sanh trong vương cung vua, dấu vết của Pháp thân vắng lặng nơi đạo tràng, chưa có búng ngón tay, tăng hắng biểu hiện bốn của hai thân Sanh và Pháp đã đạt được từ lâu xa, do vậy nói không có Bốn tích. Nói không có duyên liễu trí đoạn ấy là không nói về căn tánh Tiểu thừa và hạng có tâm, bốn tự có nhân thường trụ, sẽ khắc có quả căn bản trí đoạn Bồ-đề, vì thế nói là không.

Kế là dựa theo giáo Ba tạng, chỉ nói về ba nghĩa người pháp, từ bi, phước tuệ, không có bảy loại như chơi ứng v.v... Vì sao như vậy? Vì trong giáo của Nhị thừa chỉ nói về thân đoạn, diệt trí, đâu được từ chân khởi ứng. Đã không có chân ứng thì lấy gì lợi ích vật? Riêng hỏi: Luận chung đầy đủ mười - nói riêng chỉ có ba, ba đây nếu dựa theo chân đế thì tùy nghĩa Thông mới có thể đầy đủ mười ý, sao chỉ là ba? Nếu nói là riêng, riêng cần hai dựa theo Trung đạo. Đã có thể có ba loại người pháp - Trung đạo, ý gì không có bảy? Riêng trả lời: Luận chung mười ý đây là dựa theo ba thừa, Nói riêng ba khoa đích thị là căn cứ vào Bồ-tát. Tam Tạng Bồ-tát có thể có nghĩa từ bi - phước tuệ hàng phục nghi hoặc. Đã hàng phục mà không dứt trừ cho nên không có bảy loại chân ứng... Sư chép: Giáo như nhau chỉ có ba. Nếu dựa theo Phương Đẳng giáo đối với Tiểu thừa nói về Đại thừa, có thể có sáu ý như Trung đạo - Đại thừa - người pháp đến hai lợi ích thâm kín và hiển lộ... nhưng còn đeo mang phương tiện điều hòa thành thực chúng sanh, do đó không được nói ra bốn ý về Quyền thật... Nếu nói về giáo Bát-nhã, tuy chưa hội nhập người Tiểu thừa, mà đã hội nhập pháp Tiểu thừa đều là Ma-ha Diễn, chỉ nói về sáu ý như người pháp... cũng còn mang phương tiện chưa nói về Quyền Thật v.v... Nếu xét theo giáo Pháp Hoa đã hội nhập người Tiểu thừa, ông thật sự là con ta - ta thật sự là cha ông, sở hành của các ông là đạo Bồ-tát, bỏ quyền, bày Thật, phát khởi Bốn hiển rõ Tích, liễu nghĩa chắc chắn không còn nghi ngờ trở ngại. Do đó biết Pháp Hoa có thể nói lên tám ý từ Trung đạo người pháp cho đến Bốn tích các giáo trước vốn không trình bày đến Pháp Hoa mới nói ra, cho nên chép: “Chưa hề hưởng về người nói ra việc như vậy: Nay đã nói ra chính là nay đã vì ông nói ra sự việc chân thật nhất”. Chư Phật ba đời điều phục, thuần thực chúng sanh, đại sự nhân duyên rất ráo tròn đầy ở Pháp Hoa. Vì thế hai

muôn Đức Phật Đấng Minh chỉ nói về Pháp Hoa dứt hóa mà nhập diệt, Ca-diếp Như-lai cũng giống như vậy. Nếu dựa theo Niết-bàn, tức là có hai thứ gọi là lợi - độn. Như người Thân tử đều ở thời giáo Pháp Hoa mà ngộ nhập, tám nghĩa đầy đủ không đợi đến thời giáo Niết-bàn. Nếu đệ tử độn căn đối với Pháp Hoa chưa hiểu ra, lại vì người này quay lại bàn về lý do, nói rộng về duyên liễu trình bày ba Phật tánh. Nếu nói về hạt giống Liễu nhân tánh đức, tu đức tức là thành tựu Bát-nhã, rồi ráo chính là thành tựu trí đức Bồ-đề. Hạt giống duyên nhân tánh đức, tu đức thành tựu giải thoát đoạn đức Niết-bàn. Nếu tánh đức chẳng phải duyên chẳng phải liễu thì đó là chánh nhân, hoặc tu đức thành tựu, thì là Pháp thân ba điểm không dọc không ngang, cho nên biết đều là thời giáo Niết-bàn đã nói. Quay lại nói về trước sau tám pháp thành tựu trí - đoạn, mười nghĩa đầy đủ, đây là trải qua năm vị nói về thứ lớp mười pháp. Dựa theo bốn giáo thì có thể hiểu, cho nên biết mười pháp thuộc về quán, giáo kết hợp gồm lấy trước sau. Nói lược về đại ý, quán nào mà không thâm nhiếp - giáo nào mà không thu nhận, ý khí rộng xa. Nghĩa vị sâu thẳm, trước sau có thứ lớp, thô tế không trái nhau, lấy giải thích sanh khởi ý.

Hỏi: Giáo trước Pháp Hoa có sáu ý sao nói là khác nhau?

Đáp: sáu ý trong Hoa Nghiêm, đối với người lợi căn, trở thành vị đề hồ - đối với người độn căn trở thành vị sữa. Ba ý trong ba tạng, đối với người lợi căn tinh tế lìa bỏ - đối với người độn căn trở thành vị lạc. Sáu ý trong Phương Đẳng, đối với người lợi căn trở thành vị đề hồ - đối với người độn căn thành vị bơ sống. Sáu ý trong Bát-nhã, theo người lợi căn trở thành vị đề hồ - đối với người độn căn thì trở thành vị bơ chín. Nếu tám ý trong Pháp Hoa, đối với người độn căn thì thành vị đề hồ.

- Ba là Giải thích: Người tức là người do giả danh mà thành, pháp tức là pháp năm ấm năng thành. Người pháp ở đây nối chung phàm Thánh. Nếu sắc thọ tướng hành thức là pháp thế gian thấp hèn, nắm lấy tất cả pháp này có thể trở thành con người sanh tử, giới định tuệ giải thoát giải thoát tri kiến, là pháp xuất thế, nắm lấy tất cả pháp này trở thành bậc Thánh xuất thế, cho nên Đại Luận chép: “Chúng sanh vô thượng ấy là Phật, pháp vô thượng ấy là Niết-bàn”. Tuy nối chung phàm Thánh nhưng chẳng thể không có sai khác, thượng trung hạ ác thì trở thành người pháp của ba đường, thượng trung hạ thiện thì trở thành người pháp của đường thiện, do đó có sáu đường khác nhau về tầng bậc. Nếu nói tinh tế thì có trăm ngàn muôn chủng loại, cho đến người pháp thuộc bậc Thánh cũng không như nhau. Hoặc như Hữu môn

của giáo Ba tạng, xét chúng sanh, ta, người như lông rùa sừng thỏ suy cho cùng không thật có, chỉ có pháp năm ấm, đây chính là nhân không mà pháp bất không. Quán xét pháp này sanh diệt vô thường không dừng lại, phát sanh các địa vị như Noãn - Đảnh v.v... tức là nắm lấy tất cả pháp phương tiện thành tựu bậc Hiền tướng tợ đạo. Nếu phát khởi chân thật thành Thánh sanh trong cõi Phương tiện hữu dư, nắm lấy các pháp tánh sắc thức v.v... thì thành tựu người thực hành ở cõi đó. Hoặc như Không môn trình bày thể của pháp thật có, nắm lấy thật pháp này đấng con người với tên gọi hữu giả, quán xét ba giả huyễn đối hội nhập không bằng Noãn - Đảnh tức là nắm lấy pháp phương tiện trở thành bậc Hiền tướng tợ đạo. Nếu phát khởi chân thành bậc vô học sanh về cõi phương tiện, nắm lấy các pháp tánh năm ấm thành tựu người thực hành ở cõi đó. Hai môn người, pháp còn lại theo như đây có thể biết. Trong Ma-ha diển nói về người pháp, cũng chẳng nói nhân không - pháp bất không, cũng không nói Thể hữu, Dụng giả, chỉ quán xét giả danh ấm nhập v.v... tánh vốn tự là không, cho nên kinh Đại Phẩm chép: “Sắc tánh như ngã tánh - ngã tánh như như sắc tánh. Bắt đầu từ sơ tâm cuối cùng ở hậu tâm, thường quán xét người pháp đều không”. Vì vậy Đại Luận chép: “Bồ-tát thường quán xét Niết-bàn hành đạo”, vì quán xét nhân không tức là hạt giống liễu nhân, tức như Luận chép: “Chúng sanh vô thường là Phật, Phật tức là Giác, Giác là trí tuệ. Đầu tiên giác ngộ người không - sau giác ngộ pháp không”. Vì thế biết quán xét người không là hạt giống liễu nhân vậy. Quán xét pháp không là hạt giống duyên nhân - Đại Luận chép: “Pháp vô thượng là Niết-bàn, vì ấm sanh tử đoạn diệt nên ấm Niết-bàn khởi lên”. Đại Kinh chép: “Vì diệt sắc nên được sắc thường còn, cho đến thức cũng vậy”. Kinh Đại Phẩm chép: “Lúc Bồ-tát thực hành Bát-nhã đạt được vô đẳng đẳng sắc - vô đẳng đẳng thọ - tưởng - hành - thức” nên biết Niết-bàn là pháp vô thượng, Nắm bắt pháp này thì trở thành chúng sanh vô thượng, gọi là Phật”. Do đó biết quán xét pháp không là hạt giống duyên nhân. Vì quán xét người - pháp không tức là nhận biết ba thứ Phật tánh, cho nên Đại Kinh chép: “Phật tánh của chúng sanh không tức là sáu pháp - không là sáu pháp. Không tức là: Ở đây nói về Chánh nhân Phật tánh chẳng phải ấm - chẳng phải ngã, chẳng phải ấm nên chẳng phải pháp, chẳng phải ngã nên chẳng phải nhân chẳng phải nhân nên chẳng phải liễu, chẳng phải ấm nên chẳng phải duyên. Vì vậy nói không tức là sáu pháp. Chẳng là sáu pháp là chẳng là chúng sanh không mà có liễu nhân, chẳng là ấm không mà có duyên nhân, do đó nói không là sáu pháp. Phật từ sơ phát

tâm quán xét người - pháp không, tu tập ba Phật tánh, trải qua sáu Tứ vị thành tựu sáu Tứ người - pháp. Nay Quán Thế Âm chưa phải nhân - pháp rốt ráo, tức là người - pháp phần chứng.

Trước một lần hỏi đáp là phân chia giải thích người vô thượng gọi là Quán Thế Âm. Sau một lần hỏi đáp là phân chia giải thích thu nhận pháp vô thượng cho nên gọi là Phổ Môn. Nên biết rằng vì người pháp - nhân duyên, cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ hai là giải thích về Từ bi: Bi là thương xót - Từ là ái niệm. Mẫn cho nên dứt trừ khổ đau - niệm nên ban cho niềm vui. Nếu Bồ-tát chỉ phát khởi tâm từ bi không vững chắc, do đó cần phải phát khởi hồng thệ gia trì khiến cho vững bền, ví như người thợ thủ công tạo ra đồ vật công đoạn tuy là tương ứng nếu không dán keo sơn quét thì có rơi rụng, thệ nguyện như dán keo cũng giống như vậy. Bi tâm thương xót, dứt trừ nhân quả khổ tập cho thế gian phát triển hai thệ nguyện, đó là chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô lượng thệ nguyện dứt. Hai thệ nguyện này từ đại bi tâm khởi lên, vì yêu thương, muốn ban cho niềm vui nhân quả xuất thế của Đạo Diệt nên phát triển hai thệ nguyện, đó là pháp môn vô biên thệ nguyện biết, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Hai thệ nguyện này từ tâm đại từ khởi lên. Nhưng trước đây nói về người pháp - thuộc phạm Thánh có khác, nay giải thích về từ bi - đại tiểu cũng khác nhau. Nếu người tu hành giáo Ba tạng thì quán phần đoạn sanh già bệnh chết và tám khổ lập tức phát khởi thệ nguyện: Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Nếu quán xét phần đoạn điên đảo kết nghiệp bèn phát khởi thệ nguyện: Phiền não vô lượng thệ nguyện dứt. Muốn cho chúng sanh quán xét nhân quả vô thường này sanh diệt lưu động trong từng niệm, tu tập hướng về đạo phẩm lập tức phát khởi thệ nguyện: Pháp môn vô lượng thệ nguyện tri. Nếu quán xét lý vô vi của chân đế thì lập tức phát khởi thệ nguyện: Phật đạo Vô thượng thệ nguyện thành. Như thế, từ bi duyên với Tứ đế Hữu tác mà khởi. Kế là thông giáo quán xét già chết và tám khổ như huyễn như hóa, chúng sanh điên đảo nói là chân thật liền phát khởi thệ nguyện, tham sân si v.v... như huyễn như hóa, chúng sanh điên đảo vì đó phải chịu phiền não liền phát khởi thệ nguyện, quán tức sắc là không - tức thức là không, tức tham sân si dẫu là không, chẳng phải sắc diệt đi là không mà tánh của sắc tự là không, không cũng chẳng thật có, mà chúng sanh không thể “tức sắc là không” liền phát khởi thệ nguyện. Lại quán Niết-bàn nếu có một pháp nào hơn Niết-bàn thì cũng nói pháp ấy như huyễn

hóa, nhưng chúng sanh nói là có Phật đạo, để cầu, liền phát khởi thệ nguyện, là dựa theo Tứ đế vô sanh phát khởi từ bi thệ nguyện. Biệt giáo quán xét pháp giả danh sum la muôn tượng, thuận theo cần phải phân biệt dẫn dắt lợi ích cho chúng sanh, đâu thể chìm nơi không chấp ở chứng. Quán quả khổ này không phải chỉ có một loại liền phát khởi thệ nguyện, khổ vô lượng vì vô lượng tập, tập đã vô lượng thì đối trị cũng vô lượng, diệt cũng vô lượng. Thệ nguyện như vậy, duyên theo nội giới ngoại giới- nhân quả khổ tập - vô lượng Tứ đế mà phát khởi thệ nguyện. Viên giáo quán xét pháp giới viên dung, vốn chẳng phải trái chẳng phải thuận - chẳng sáng rõ chẳng mờ tối - vì vô minh tối tăm thì trái, trái thì có nhân quả khổ tập. Vì trí tuệ sáng tỏ thì thuận, thuận thì có nhân quả đạo diệt. Duyên theo nhân quả trái thuận này mà khởi lên từ bi, ví như đá nam châm không khởi tâm tưởng mà tùy ý hút sắt. Nay từ bi này không khởi chúng sanh cho đến pháp tướng, tự tại dứt trừ đau khổ ban cho niềm vui, nên gọi là Từ bi vô duyên. Bồ-tát thuận theo sơ phát tâm tu tập Từ bi vô duyên trải qua sáu Tức vị, nay Quán Âm này là phần chứng từ bi. Nếu một lần hỏi đáp trước đây nói về Vô duyên đại bi bạt khổ, một lòng xưng niệm danh hiệu liền được giải thoát, thì một lần hỏi đáp sau đó thuận theo Vô duyên đại từ Phổ Môn ban cho niềm vui, đều khiến cho được độ. Vì thế biết vì nhân duyên đại từ bi cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ ba là giải thích về phước tuệ: Cũng gọi là Định tuệ, Định gọi là tĩnh ái - Tuệ gọi là quán sát. Đại Luận chép: “Định yêu thương tuệ thúc đẩy, trí vắng lặng soi chiếu chẳng tối tăm nào không sáng sửa, như gương sáng treo cao giữa nhà, phước đức thiền định thuần thực sâu dày giúp đỡ phát ra, như đèn sáng dầu sạch, cũng gọi là mắt chân đầy đủ được đi vào hồ thanh lương, hồ chính là Niết-bàn, Niết-bàn gọi là hai thứ trang nghiêm - trang nghiêm Pháp thân”. Giải thích về định tuệ này đương nhiên có nhiều loại. Tam tạng dùng vô thường quán xét lý làm Tuệ, dùng các thiền định trong sự làm phước, dùng định giúp đỡ tuệ phát khởi lý chân vô lậu thiên nhiên gọi là pháp thân. Thông giáo chỉ dùng Thế pháp khác quay về phân tích pháp này. Như Biệt giác dùng duyên tu trí tuệ và các thiền định giúp đỡ khai bày Trung đạo Pháp thân. Viên giáo dùng thật tướng quán xét làm tuệ, thật tướng định vắng lặng làm phước, cùng hiển bày lý chẳng phải định chẳng phải tuệ, gọi là thật tướng Pháp thân. Nay Viên giáo Bồ-tát, thuận theo sơ phát tâm tu tập định tuệ không hai này trải qua nơi sáu Tức, Quán Âm sở dĩ dùng trí sáng soi chiếu khổ đau vì khổ là điên đảo mê hoặc mà gây nên, trí

tuệ là pháp phá trừ mê hoặc, cho nên trí tuệ có thể dứt trừ khổ đau. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Lại phát ra ánh sáng gọi là trí tuệ, lại phát ra ánh sáng gọi là vô não, suy nghĩ ích lợi cũng như vậy”. Thỉnh Quán Âm chép: “Phát ra ánh sáng thanh tịnh diệt trừ rộng khắp si ám tối tăm”. Vì vậy biết hỏi đáp trước đây thuận theo căn cơ dứt trừ đau khổ, là từ nơi tuệ trang nghiêm để được tên gọi, hỏi đáp sau đó trú nơi Thủ lăng nghiêm hiện rõ sắc thân rộng khắp, không khởi lên diệt định hiện rõ oai nghi này, an thiền ngàn bài kệ khen ngợi các đấng Pháp Vương, vì thế biết Phổ Môn thị hiện từ phước đức mà được tên gọi, vì phước tuệ nhân duyên nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ tư giải thích về Chân ứng: Chân là không giả tạo không lay động, ứng là xứng hợp vừa vặn với căn duyên, Tập Tạng gọi là thân. nếu khế hợp với lý Thật tướng không giả tạo không lay động, ngay đó có thể xứng hợp cơ duyên mà cảm ứng, ví như nắm đèn gương thì hình bóng liền hiện ra, chân ứng như vậy không lia nhau được. Nếu ngoại đạo tác ý tu thần thông tuy có thể biến hóa, ví như gạch đá thì hình ảnh cảnh vật không hiện rõ, chẳng lẽ đây có thể là ứng hay sao? Vẫn còn chưa phá trừ bốn Trụ, biểu hiện về chân lý nghiêng lệch sao bỗng nhiên có chân ứng Trung đạo được? Nếu Nhị thừa biến hóa tu thần thông đã đạt được thì điều này cũng chẳng phải ứng, ví như bức họa tác ý mới thành tựu rõ ràng không giống nhau. Đại Thừa không như vậy, đạt được Thật tướng chân ví như được gương sáng, không cần phải tác ý mà cảnh sắc hình tượng trong pháp giới lập tức đối diện lập tức cảm ứng; giống như gương miêu tả cảnh tượng khác với chân không, lúc này mới gọi là Chân tịch thân ứng. Bồ-tát thuận theo sự phát tâm trải qua nơi sáu Tức, nay Kinh - trước hỏi đáp nói về chân tịch mà không lay động lợi ích lớn cho pháp giới, Quán Âm từ chân thân mà được tên gọi. Hỏi đáp sau đó nói thuận theo cơ duyên lợi ích rộng rãi ẩn hiện nhiều hạng mục, Phổ Môn là từ ứng thân mà được tên gọi. Bởi do nhân duyên chân ứng, nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ năm là giải thích về thân Dược Thọ Vương và thân Như Ý Châu Vương: Dược Vương chữa trị tai họa khổ đau, “xuất xứ từ kinh Nại Nữ”, Châu là vật báu như ý. Trải qua các giáo mở rộng trình bày trị bệnh có được vật báu, nay dựa theo Viên giáo nói về điều ấy, như kinh Hoa Nghiêm chép: “Có cây thuốc thượng hạng - rễ cây đó đi sâu vào - cành lá phân bố bốn phía, thân rễ cành lá đều dùng để chữa bệnh, nghe mùi hương - chạm vào thân đều được lợi ích, Bồ-tát cũng như vậy, đại bi xông ướp thân hình - âm thanh lợi ích chúng sanh gọi là Đại

Được Vương. Thân lại giống như ngọc Như ý. Ngọc châu có thể tuôn ra châu báu như mưa khắp đại thiên tùy ý mà không cùng không tận, Bồ-tát đại từ xông ướp thân ban cho chúng sanh niềm vui, gọi là Như ý Châu Vương. Thân này cũng dựa theo sáu Tức mà phân định địa vị”. Chính ở lần hỏi đáp trước khắp nơi cứu giúp mọi u ách khổ nạn, đây là từ thân Được Vương để được tên gọi. Từ lần hỏi đáp sau đó xứng hợp thỏa đáng các mong cầu, mưa xuống cơn mưa thật tướng đạt được niềm vui Niết-bàn, đây là tử thân Như Ý Châu Vương để được tên gọi. Do đó biết nhân duyên hai thân gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ sáu giải thích về hai lợi ích ẩn và hiển: Ẩn là kín đáo bí mật - Hiển là rõ ràng lộ ra. Bạc Đại Thánh thường dùng hai lợi ích làm cho tất cả yên ổn, mà chúng sanh cho đến phàm phu ngày ngày sử dụng nhưng không biết, ví như mặt trời mặt trăng soi sáng thế gian, người mù tuy không nhìn thấy mặt trời mặt trăng nhưng thực tế chịu ân mặt trời, mặt trăng sâu sắc. Vì thế Được Thảo Dụ chép: “Nhưng các loài cỏ cây không hay không biết chỉ cùng là một đất, sanh ra loài dưới thấp không biết loại trên cao có hai lợi ích ngấm kín và hiển lộ. Như Văn Thù không biết thần lực của Diệu Âm thật hiện ra, vì không biết cho nên gọi là lợi ích ngấm kín”. Đây là cứng dựa theo sáu Tức phân định địa vị. Nếu ngay lần hỏi đáp trước kia, không thấy hình dạng âm thanh mà bí mật chịu sự giúp đỡ sâu sắc, gọi là lợi ích ngấm kín. Lợi ích của bạc Thánh tuy không thể biết rõ, mà bạc Thánh muốn làm cho biết thì loài côn trùng có thể biết. Như lần hỏi đáp sau tự mình nhìn thấy sắc thân được nghe nói pháp, nghe nhìn rõ ràng pháp ích lợi hiển nhiên, cho nên biết Quán Âm từ lợi ích ngấm kín mà được tên gọi, Phổ Môn từ lợi ích hiển lộ mà được tên gọi. Vì nhân duyên ẩn hiển này nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ bảy giải thích về Quyền thật: Quyền là tạm thời sử dụng - Thật là chẳng phải tạm thời sử dụng. Sơ lược mà nói thì quyền thật có ba loại: 1. Tự hành nói về quyền thật, tự quán xét Trung đạo là thật - hai quán là quyền. 2. Ngay hóa tha mà nói về quyền thật, căn tánh mỗi người không như nhau, hoặc nói quyền là thật - nói thật làm quyền, không có thể phân định chắc chắn, chỉ dựa theo ý người khác để trình bày quyền thật. 3. Tự hành hóa tha kết hợp trình bày quyền thật: Nếu tự quán xét ba đế có quyền có thật, đều gọi là thật, hóa tha thuận theo duyên cũng có quyền có thật, đều gọi là quyền. Sử dụng ba nghĩa này trải qua bốn giáo, lại ngay nơi tự hành quyền thật nói về sáu tức để phân định địa vị. Tìm ý phẩm này là trình bày tự hành hóa tha nói về

quyền thật, trước đây hỏi đáp thuận theo thật trí của tự hành hóa tha để lợi ích chúng sanh, hỏi đáp sau thuận theo quyền trí tự hành hóa tha để lợi ích chúng sanh. Do đó biết nhân duyên quyền thật nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ tám giải thích về bốn tích: Bốn gọi là thật sự đạt được - Tích gọi là cảm ứng hóa hiện. Nếu chung đường thực hiện bốn tích ấy, thế trí của phàm phu bổn ý khó suy lường, cho đến bốn tích của Biệt giáo. Nếu Viên giáo phát tâm từ vô thỉ, ban đầu phá trừ vô minh vốn đạt được Pháp thân ấy gọi là Bốn, lưu truyền hình bóng trăm ức cao thấp không quy định gọi đó là Tích. Hoặc xưa nay phân định chân ứng, phần nhiều sử dụng vị trí trên cao làm chân làm bốn, vị trí dưới thấp làm ứng làm tích, từng vị trí truyền nhau thực hiện phân định này, chân - bốn chỉ căn cứ vào nơi cao, ứng - tích chỉ nhằm vào nơi thấp. Nghĩa lý này không thích hợp. Nay trình bày tường tận về bốn tích thì khác nhau so với chân ứng. Bốn là thực sự đạt được, bắt đầu ngồi ở đạo tràng cho đến Sơ Trụ đã đạt được Pháp thân tức là Bốn, Tích là Phật ở địa bậc trên cho đến làm Bồ-tát địa bậc trên đều gọi là Tích, không thể vì địa bậc trên là cao cho nên xưng đó là Bốn, mới đạt được địa vị Sơ Trụ xem đó là Tích, tại vì sao? Vì thật sự không đạt đến địa bậc cao - địa bậc cao chẳng phải là Bốn, thật sự đạt được địa bậc thấp - địa bậc thấp chẳng phải là Tích. Do đó Thọ Lượng chép: “Tùy ý mình - tùy ý người khác, là ý Bốn Tích, ngay nơi Bốn Tích trình bày sáu Tức”. Chính nơi lần hỏi đáp trước không thể nói rõ, chỉ kín đáo giúp đỡ người trước, thuận theo địa vốn có mà được tên, lần hỏi đáp sau hình trạng khác nhau cảm ứng hóa hiện mà độ thoát, thuận theo địa dấu tích mà được tên gọi. Vì thế biết nhân duyên bốn tích cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ chín giải thích về liễu nhân, duyên nhân: Liễu là biểu hiện phát ra - Duyên là cung cấp giúp đỡ. Cung cấp giúp đỡ cho Pháp thân phát ra biểu hiện rõ ràng. Liễu chính là trí quán Bát-nhã, cũng gọi là tuệ hành chánh đạo trí tuệ trang nghiêm. Duyên chính là giải thoát, hành hạnh trị đạo phước đức trang nghiêm. Đại Luận chép: “Một người có thể làm cỏ - một người có thể gieo trồng, gieo trồng dụ cho duyên - làm cỏ dụ cho liễu, nói chung về giáo thì các giáo đều đầy đủ nghĩa duyên liễu”. Nay đích thực trình bày hai thứ nhân trang nghiêm của Viên giáo, Phật có đủ hai thứ quả trang nghiêm, bắt đầu nhân quả này căn bản chính là tánh đức duyên liễu. Tánh đức này vốn tự có chẳng phải thích hợp trước mắt. Đại Kinh chép: “Tất cả các pháp vốn tánh tự là không, cũng vì Bồ-tát tu tập về Không cho nên thấy các pháp không,

tức là liễu nhân vốn tự có sẵn”. Lại chép: “Tất cả chúng sanh đều có vị thiền Sơ Địa”. Tư ích chép: “Tất cả chúng sanh chính là định Diệt tận”. Đây chính là hạt giống duyên nhân vốn tự có sẵn. Dùng hai thứ phương tiện này tu tập dần dần tăng trưởng, phát khởi từ đầu mút lông tơ mà đắc thành - tu tập được như hai cánh tay ôm đại thụ. Ma-ha Bát-nhã định Thủ Lăng Nghiêm. Một khoa này không nói về sáu Tức, chỉ dựa sát vào nghĩa tánh đức căn bản này. Lần hỏi đáp trước thuận theo hạt giống liễu nhân mà được tên gọi. Lần hỏi đáp sau thuận theo hạt giống duyên nhân mà được tên gọi. Vì vậy biết liễu nhân duyên nhân nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ mười là giải thích về trí đoạn: Ý tất cả các nơi, Trí chính là đầy đủ công đức hữu vi, cũng gọi là Niết-bàn tròn đầy thanh tịnh. Nói công đức hữu vi, tức là nhân thời trí tuệ. Có nghĩa của soi chiếu sử dụng tu tập thành tựu cho nên gọi là hữu vi, nhân tuy vô thường nhưng quả thì thường. Đem nhân đến gọi là quả cho nên nói là đầy đủ công đức hữu vi. Đoạn tức là đầy đủ công đức vô vi, cũng gọi là giải thoát, cũng gọi là phương tiện tịnh Niết-bàn. Nói vô vi ấy là, nếu Tiểu chỉ chọn lấy phiền não diệt - vô vi đoạn, chỉ lia luống dối gọi là giải thoát, thật ra không được giải thoát tất cả; đây chính là đoạn đức của thể Không. Đại Thừa là đoạn của Thể hữu, không chọn lấy diệt vô vi đoạn, chỉ chọn lấy tùy theo những nơi điều phục chúng sanh, điều ác không thể vấy nhiễm, từ ngoài vào trong tùy ý tự tại không còn trói buộc, gọi là Đoạn Đức. Dựa vào tên gọi công đức vô vi này, nên kinh Tịnh Danh chép: “Không dứt trừ si ái mà Phát khởi các minh thoát”. Lại chép: “Ở nơi các kiến giải không lay động mà tu ba mươi bảy phẩm, ái kiến là hầu hạ, cũng gọi là Như-lai chủng, cho đến năm vô gián đều sanh khởi giải thoát, không có gì vấy nhiễm ngăn trở gọi là giải thoát tất cả, tức là Đoạn đức vô vi; vắng lặng mà thường soi chiếu tức là Trí đức”. Tiểu thừa nguội thân bất trí, đã không có thân đó thì lấy gì đi vào sanh tử, mà lại nói về điều phục không ngăn trở không vấy nhiễm? Diệt trí nơi nào soi chiếu vắng lặng? Trí đoạn như vậy tròn đầy cùng cực cho nên Pháp thân nổi bật, chính là tròn vẹn nghĩa lý ba loại Phật tánh. Pháp thân đầy đủ tức là chánh nhân đầy đủ chẳng phải nhân chẳng phải quả, cho nên nói ẩn kín gọi là Như-lai Tạng - biểu hiện gọi là Pháp Thân, tuy chẳng phải là nhân mà gọi là chánh nhân, tuy chẳng phải quả mà gọi là Pháp thân. Đại Kinh chép: “Chẳng phải nhân - chẳng phải quả gọi là Phật tánh”, chính là chánh nhân Phật tánh này. Lại nói: “Là nhân chẳng phải quả gọi là Phật tánh”, tức ở đây y theo tánh đức duyên liễu đều gọi là nhân.

Lại chép: “Là quả chẳng phải nhân gọi là Phật tánh”, ở đây y theo tu đức duyên liễu đều đầy đủ, liễu chuyển sang gọi là Bát-nhã - duyên chuyển sang gọi là Giải Thoát, cũng gọi là quả Bồ-đề, cũng gọi là quả Đại Niết-bàn, quả đều gọi là quả. Phật tánh thông suốt đối với nhân quả không dọc không ngang. Thời tánh đức, thời ba nhân không dọc không ngang - quả đầy đủ gọi là ba đức. Cho nên, Phổ Hiền Quán chép: “Nhân Đại thừa là thật tướng các pháp, Đại thừa quả cũng là thật tướng các pháp. Trí đức đã đầy đủ vắng lặng mà thường soi chiếu, tùy theo cơ lập tức ứng hiện nhất thời giải thoát, đoạn đức điều phục khắp nơi, đều khiến cho được độ”. Lần hỏi đáp trước thuận theo phần Trí đức đầy đủ mà được tên gọi, lần hỏi đáp sau thuận theo phần đoạn đức đầy đủ mà được tên gọi. Do đó mà biết dùng nhân duyên Trí - Đoạn gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Hỏi: Mười nghĩa này là tên gọi xuất xứ từ kinh khác, làm sao có thể sử dụng để giải thích phẩm này?

Đáp: Nghĩa Đại Thừa tất cả các kinh cùng sử dụng, nếu không chấp nhận điều này Phật tánh xuất xứ từ Niết-bàn, năm trụ - hai tử xuất xứ từ Thắng-man, các Sư đâu có thể sử dụng liên thông tất cả các kinh hay sao! Phẩm này văn tuy không có mười tên gọi, tập hợp đem hai lần hỏi đáp viết nên ý mười nghĩa, rõ ràng như vậy có thể hiểu, Nay cũng như trước, lại điểm riêng từng câu một để chứng minh mười nghĩa ấy, như văn chép: “Vì sao tên là Quán Thế Âm?” Lại chép: “Vì nhân duyên này tên là Quán Thế Âm”. Chính là y cứ gọi Người. Văn sau chép: “Phổ Môn thị hiện”, tức là nói về Pháp. “Có những lực oai thần to lớn lợi ích thêm cho nhiều nơi như vậy”, tức là Từ. “Thượng cho bốn chúng” tức là Bi. Muốn biết trí đang nói, mười chín hiện thân nói pháp tức là Trí tuệ. “Trong một lúc lễ lạy được lợi ích về phước đức vô lượng vô biên”, tức là Phước đức. “Nghiệp tự tại”, chính là Pháp thân. Vì sao như vậy? Vì Pháp thân tự tại ở khắp, trí tuệ phù hợp với điểm này cho nên gọi là Nghiệp. Thọ Lượng chép: “Ánh sáng trí tuệ vô lượng vốn đã đạt được nghiệp do tu tập lâu xa, sức oai thần to lớn như vậy. Như Thị là tên gọi đầy đủ tất cả, tức là Nhơn thân. “Phổ Môn thị hiện sức thần thông”, tức là ứng thân. “Đi qua các cõi nước độ thoát chúng sanh”, tức là Dực Thọ Vương thân. “Ở trong tai nạn nguy cấp kinh hãi luôn ban cho sự không sợ hãi”, tức là Như Ý Châu Vương thân. “Phước không hư dối”, tức là lợi ích ngấm kín. “Ba mươi ba thân”, tức là lợi ích hiển rõ. “Hiện thành thân Phật”, tức là thật trí. Hiện bày các thân khác tức là Quyền trí. Thân của Quán Âm chính là Bốn các thân khác tức là Tích,

còn sức thần thông to lớn là Bốn, lực phương tiện là Tích. “Người nghe danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát này” giống như người có nghe Phẩm này, tức là chứng thật Liễu nhân, “Công đức không phải là ít”, tức là Duyên nhân. “Không đồng ý nhận” vì thường hành xả bỏ, cho đến “Lập tức quan sát âm thanh đó”, quán sát tức là Trí, “Đều được giải thoát” là các loại điều phục chúng sanh. “Tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm”, là lợi ích tức là đoạn.

- Thứ tư là phân biệt: Hỏi: Người đối với Quán Âm, Pháp đối với Phổ Môn, Phương Đẳng có Phổ Môn Pháp Vương tử nêu lên đối với tên gọi con người, nghĩa này giống nhau thế nào? Đáp: Điều này phải làm thành bốn câu phân biệt, người chẳng phải pháp, pháp chẳng phải người, người chính là pháp, pháp chính là người. Nếu dựa theo Hoa Nghiêm thì ý thứ lớp về địa, trước sanh tử người thực hành chưa là pháp Thật tướng, pháp này cũng chẳng phải người kia. Hoặc làm thành ý không thứ lớp ấy, người chính là Thật tướng - Thật tướng chính là người, người và pháp chẳng phải hai. Như Hữu Môn ba tạng trình bày không có người giả tạm mà chỉ có Thật pháp, pháp này chẳng phải người. Như Không Môn thu nhận Thật pháp thành người giả tạm, người và pháp là hai đối tượng khác nhau, hoặc ở đó không lìa người mà nói về pháp - không lìa pháp mà nói về người. Đây chính là ý hai để chẳng phải người pháp của Trung đạo. Nếu Phương Đẳng đối với Tiểu thừa trình bày Đại thừa nói về người pháp, thì trình bày Tiểu thừa giống như Ba tạng - trình bày Đại thừa giống như Hoa Nghiêm, Bát-nhã - Niết-bàn v.v... trình như vậy. Nay trong Phương Đẳng nói về Phổ Môn, chính là ý Đại thừa. Nay trình bày Phổ Môn là pháp, sao có thể có pháp mà không có người? Nơi kia trình bày Phổ Môn là người, làm sao có thể chỉ có người mà không có pháp? Nơi này thì người và pháp cùng nêu ra, kinh kia nêu ra người - nơi này nêu ra pháp như vậy. Ví dụ như Tiểu thừa trình bày Thân Tử là Trí tuệ bậc nhất, các đệ tử khác đều y cứ pháp môn khác nói bậc nhất. Vốn dùng trí tuệ dứt hoặc chứng chân vô lậu, người khác không có tuệ sao có thể vào đạo? Đã đạt được đạo quả thì quả là biết có tuệ, nhưng tất cả nêu ra Sơ môn đó phân biệt gọi là bậc nhất, ví như lưỡi dao cắt đứt đồ vật cần phải dựa vào sống dao mới có hiệu quả sử dụng, các tâm sở như sống dao mà tâm sở trí tuệ như lưỡi dao; nay nghĩa Phổ Môn cũng như vậy, chỉ dùng pháp nhân duyên cho là tên gọi của Phổ Môn, làm sao có thể không có người liễu nhân ư? Nếu gộp lại thuận theo Quán Âm nêu lên tên gọi ấy, thì điều này thông suốt khắp nơi, muốn làm cho Thế đế không rối loạn nên cùng nêu ra tên gọi khác nhau. Như thân

đầy đủ sáu căn chỉ gọi là mắt tịnh ý tịnh, há có thể không có căn khác hay sao? Phân biệt về từ bi: Hỏi: Nếu đại bi cứu khổ - khổ trừ đi tức là được vui, đại từ cho vui, vui đến tức là trừ khổ, ý sao phân ra hai? Đáp: Luận chung như vậy - riêng khác thì không phải thế. Ví như trừ bỏ tội ở nơi ngục tù, không ban cho năm trần, thì thân tuy tránh khỏi đau đớn mà căn tình chưa vui vẻ, đây chỉ là cứu khổ không gọi là cho vui. Còn như ban cho năm trần ở nơi ngục tù, tai mắt tuy vui thích mà không gọi là trừ khổ, vì thuận theo nghĩa riêng khác đều hiển rõ một bên, do đó riêng nói riêng như vậy. Hỏi: Trong này ý gì mà không nói về hỷ xả? Đáp: Bốn vô lượng tâm về tên gọi tuy có bốn nhưng là ba nghĩa. Đại kinh chép: “Ưu tất xoa - Tất xoa gọi là xả”, xả ấy là hai cái xả, tức là ý của không hai - chẳng phải từ chẳng phải bi, không hai mà hai tức là từ bi. Hỷ là từ vui sanh ra hỷ ban đầu muốn ban vui, chúng sanh đau khổ sâu nặng không thể được vui thì không có gì đáng hoan hỷ. Nếu trừ khổ xong hết tức là có thể được vui, trở lại toại nguyện bản hoài cho nên sau vui thêm vào hỷ, sau khổ đau không có điều này vì thế không khai mở hỷ. Như A Du Gia Vương bảy ngày phải chết, tuy có niềm vui của năm dục nhưng buồn rầu đau khổ trĩu nặng tâm tư, lại như một thân ít chấp nhận khổ nào có thể đoạt lấy niềm vui của một thân; do đó biết khổ sâu nặng không có thể vui vẻ. Hỏi: Thiền chi trình bày hỷ ở trước - chi Lạc ở sau, lại nói thế nào? Đáp: Thiền chi chính là từ nơi thô đi vào tế, trong này chúc mừng người kia được vui vẻ cho nên tâm hỷ ở sau. Lại nữa, ngoại đạo tu bốn vô lượng tâm tự chứng thiền định, dấy lên ý tưởng chuyển vận rộng không, ở kia không có ích lợi thật sự, không thể khiến cho người khác trừ đau khổ đạt được niềm vui, tuy tự mình được định mà pháp thế gian luống dối, mà báo hết trở lại đọa không tránh khỏi nơi khổ đau, tự mình và người khác đều không lợi ích. Nếu nhị thừa tu bốn vô lượng tâm thì chỉ mình trừ đau khổ đối với người khác không ích lợi gì, tự mình trừ phần đoạn mà chưa tránh khỏi Biến dịch, đoạn thân diệt trí chẳng phải niềm vui rốt ráo. Nay Bồ-tát không như thế, chẳng phải phạm phụ hạnh - chẳng phải Hiền Thánh hạnh. Chẳng phải phạm phụ ấy là không giống như tự nhận lấy niềm vui của thiền. Chẳng phải hiền thánh ấy là không giống như tự mình cứu khổ. Không giống như tự nhận lấy niềm vui vì thế chính là ban cho người khác niềm vui, không giống như tự mình cứu khổ cho nên chính là cứu khổ đau cho người khác, cũng chính là dứt trừ đau khổ - chính là ban cho niềm vui, ngay nơi ban cho niềm vui cũng chính là dứt trừ đau khổ, chỉ là phân nói riêng về thế nguyện tương đối, trước nói về dứt trừ đau khổ sau trình bày ban cho

niềm vui như vậy.

Phân biệt về phước tuệ: Hỏi: Quán Âm đối với trí xứng hợp mà dứt trừ đau khổ, Phổ Môn đối với phước nhìn thấy mà được niềm vui gì vậy? Đáp: Trí là ánh sáng đích thực sửa trị tối tăm mê hoặc mê hoặc là khổ não sinh tử, nếu sửa trị cái khổ của tối tăm mê hoặc, há không sử dụng ánh sáng của trí hiểu biết ư? Do đó tên gọi người xứng với trí tuệ tức là dứt trừ đau khổ. Pháp là pháp môn - tên gọi là môn có thể thông suốt, thông suốt đến nơi an lạc của Niết-bàn. Ban đầu luyện tập pháp này là đạt được nhân vui, về sau chứng pháp này là được quả vui, cho nên đối với Phổ Môn này nói về ban cho niềm vui. Hỏi: Phước tuệ cần lẫn nhau, vốn không lìa xa nhau, nếu định mà không có tuệ thì định này gọi là si định, ví như người mù cưỡi ngựa mù chắc chắn rơi xuống hố rớt xuống hào mà không nghi ngờ gì. Nếu tuệ mà không có định thì tuệ này gọi là cuồng tuệ, ví như đốt đèn ở chỗ có gió thổi mạnh, ngọn đèn chao động soi chiếu đồ vật không rõ ràng. Do đó biết tướng phước tuệ giúp đỡ hai vòng bình đẳng có thể luôn luôn vận tải được. Nếu vậy vì sao dùng trí tuệ dứt trừ đau khổ - phước đức ban cho niềm vui? Đáp: Tự có phước đức là trí tuệ thì trí tuệ là phước đức, tự có phước đức chẳng phải trí tuệ - trí tuệ chẳng phải phước đức, Đại - Tiểu thừa đều đầy đủ bốn câu, như Lục độ Bồ-tát tu Bát-nhã, phân chia Diêm-phù-đề thành bảy phần, đây là thế trí không thể dứt trừ hoặc chướng, đây hãy còn thuộc về phước đức thâm nhiếp, tức gọi phước này là trí, trí này là phước không thể dứt trừ hoặc chướng. Nếu người hàng Thanh-văn trí tuệ có thể đoạn giống như gọi là trí tuệ chẳng phải phước đức, như La-hán đối. Nếu phước đức chẳng phải thế trí cũng chẳng phải xuất thế trí ấy là như voi trắng. Nếu Đại thừa bốn câu tức là: Địa tiền bên Biệt giáo có ba mươi tâm mỗi hành gọi là phước đức, tuệ hành gọi là trí tuệ. Tuệ này không thể phá trừ vô minh, tuệ này còn thuộc về phước đức, vì không phá trừ vô minh, phước này là trí tuệ phương tiện đối trị chấp tướng. Nếu Địa tiền đều gọi là phước đức, thì ở địa đều gọi là trí tuệ, trí tuệ này chẳng phải phước đức - phước đức chẳng phải trí tuệ, Phương Đẳng - Bát-nhã còn mang Tiểu thừa nói về Đại thừa, hoặc đeo mang phước tuệ Tiểu thừa như bốn câu trước, trình bày phước tuệ rộng lớn như bốn câu vừa nêu. Nay Phổ Môn này gọi là phước tuệ, phước tức là tuệ, tuệ chính là phước, phước tuệ không hai, cho nên Đại Luận chép: “Người tôn quý tuyệt vời như vậy thì có thể thấy Bát-nhã, làm sao tuệ này có thể là không có định đạt được định Thủ Lăng Nghiêm đâu từng không có tuệ”.

Luận chép: “Kiện tướng Tam-muội có thể phá tan địch mạnh”.

Đại kinh chép: “Phật tánh có năm tên gọi, cũng gọi là Bát-nhã - cũng gọi là Sư Tử Hống, cũng gọi là Thủ Lăng Nghiêm - cũng gọi là Kim Cương Phật Tánh... tức là tên gọi của định tuệ đầy đủ”. Chẳng thiên nào không có tuệ, chẳng tuệ nào không có thiên, thiên tuệ không hai, không hai mà hai, phân ra riêng khác mà nói thì thành hai cách hiểu về định tuệ. Vì vậy Thích Luận giải thích Bát-nhã nói về mười tám không, giải thích Thiên Định nói về một trăm lẻ tám Tam-muội, đây là hai nói - hai chính là không hai.

Phân biệt về chọn từng: Cũng có khác nhau về bốn câu: chẳng phải chân chẳng phải ứng, ứng mà chẳng phải chân, chân mà chẳng phải ứng, vừa là chân - vừa là ứng. Nếu chẳng phải chân - chẳng phải ứng, điều này ngay lý có thể hiểu. Còn chính là phàm phu, vì không thấy lý, chẳng phải chân là không có dụng cho nên chẳng phải ứng, điều này cũng có thể hiểu. Ứng mà chẳng phải chân ấy, ngoại đạo cũng đạt được năm thân thông cùng người khác thi hành cảm hóa, thông suốt mà luận cũng đạt được ứng này nhưng không được gọi là chân. Chân mà chẳng phải ứng ấy, người hàng Nhị thừa đi vào chân dứt trừ kiết hoặc, đoạn thân diệt trí không thể nào phát khởi ứng. Đây cũng là tổng quát nói về chân đó như vậy. Vừa là chân vừa là ứng, đây thì hiển rõ riêng Trung đạo làm nhân, ngay nơi chân mà nói về dụng làm ứng. Chân ứng không hai, không hai mà hai ấy cho nên nói chân ứng như vậy. Nay dựa vào văn cùng nêu ra: 1. Vừa nói về chân ứng: Lần hỏi đáp trước tình bày về chân thân thường ích lợi, lần hỏi đáp sau nói về ứng thân gián đoạn lợi ích. Thường và gián đoạn không có thể lìa xa nhau như hai chim cùng bay. 2. Vừa rồi nói về chân thân vừa thường hằng vừa không thường hằng ứng thân vừa gián đoạn vừa không gián đoạn. Nếu Tiểu thừa nói về nghĩa, ví dụ như Thiện Cát trong hang đá quán “Không”, thấy Pháp thân Phật, Ni Liên Hoa thì không thấy. Điều này há không phải là nghĩa ích lợi thường hằng và không thường hằng của chân thân trong Tiểu thừa hay sao?! Ứng thân trượng sáu cũng có thấy - không thấy, điều này há chẳng phải nghĩa gián đoạn, không gián đoạn của ứng thân hay sao?! Pháp thân Đại thừa cũng như vậy, đối với lý là ích lợi thường hằng - đối với tình là ích lợi không thường hằng, ứng thân cũng như thế, duyên này diệt đi duyên kia dấy lên không có dứt bật là nghĩa không gián đoạn, đồng một bản chất mà thấy khác nhau là nghĩa gián đoạn. Mà nay phân biệt: một hướng là: lần hỏi đáp trước thuộc về ích lợi thường hằng lần hỏi đáp sau thuộc về ích lợi không thường hằng.

Phân biệt hai thân Được Chầu: Được có công thuộc năng chữa

lành bệnh dứt trừ khổ, cũng có công dụng giữ thân thể tăng thêm thọ mạng đến mức quý báu. Vì thế kinh chép: “Nếu bảo toàn thân mạng tức là đã được đồ chơi quý giá. Như ý Châu Vương không những rước châu báu như mưa mà cũng có thể trừ bệnh Đại Thí Thái Tử xuống biển được ngọc châu trở về chữa trị mắt cho cha mẹ. Đại Phẩm chép: “Nếu người đau mắt đeo ngọc châu trên mình thì bệnh liền trừ khỏi”. Vì thế biết thông suốt đầy đủ hai nghĩa. Nếu tách biệt căn cứ vào một phía, ước định trừ diệt tai họa dùng thí dụ Được chứng minh cho vui để so sánh với ngọc châu như vậy.

Phân biệt hai lợi ích ngầm kín và hiển rõ: Tất cả có ba mươi sáu câu.

Phân biệt hai trí quyền thật: Lần hỏi đáp trước thật trí chiếu soi chân mà chúng sanh được độ thoát, quyền trí chiếu soi giả mà chúng sanh được độ, độ là độ quyền cũng độ ở thật, thoát là thoát chân cũng thoát ở giả. Trả lời điều này cũng có đủ bốn câu, hoặc dựa vào chơi trí, giải thoát ở quyền, bảy nạn tiêu trừ - hai nguyện cầu thỏa mãn là vậy, hoặc dựa vào chơi trí, giải thoát ở thật, ba độc đều lìa, hoặc dựa vào quyền trí được độ ở thật, ba mươi ba thân được độ là vậy, hoặc dựa vào quyền trí được độ ở quyền, ở trong tai nạn ép ngặt kinh sợ được không sợ hãi là vậy. Hoặc cả hai đều độ thoát, hoặc cả hai đều không độ không thoát. Nay y theo văn phân định cùng nêu ra một phía, văn trước thoát ở quyền - văn sau độ ở Thật.

Phân biệt về Bốn tích: Luận chung về bốn tích cùng có thể dứt trừ khổ - ban cho vui, cho nên phẩm Thọ Lượng chép: “Nghe Phật thọ vô lượng được quả báo thanh tịnh vô lậu vô lượng”. Tức là từ Bốn được niềm vui. Kinh Thỉnh Quán Âm chép: “Hoặc dạo chơi nơi địa ngục đại bi thay thế chịu khổ”. Đây là từ nơi tích dứt trừ đau khổ. Chúng sanh không thông hiểu nguồn gốc về sau trôi lăn khổ não, nếu nhận thức được bốn lý thì ở ngay trong khổ mà được giải thoát. Nếu chúng sanh không thấy trong tích thực thi hóa độ, không thể gieo trồng phước nơi ba nghiệp thì không có nhân của công đức, làm sao gây nên quả vui, chẳng phải bốn không vì lưu tích - chẳng phải tích không vì hiển bốn, lần hỏi đáp trước là nói về tích bốn, lần hỏi sau là nói về bốn tích. Hỏi: Bốn tích và chân ứng khác nhau thế nào? Đáp: Chân ứng dựa vào một đời giải thích về không gian (hoành), như các kinh đã nói, bốn tích dựa vào ba đời luận bàn theo thời gian (thụ), như Thọ Lượng đã giải thích.

Phân biệt về duyên liễu: Hỏi: Duyên liễu đã có tánh đức thiện thì cũng có tánh đức ác hay không? Đáp: Có đủ.

Hỏi: Xiển-đề và Phật dứt những thiện ác nào?

Đáp: Xiển-đề dứt bất tu thiện tận cùng, chỉ tánh thiện đang còn, Phật dứt tu ác tận cùng nhưng tánh ác vẫn còn.

Hỏi: Tánh đức thiện ác sao không thể dứt?

Đáp: Tánh thiện ác chỉ là pháp môn thiện ác, tánh không thể thay đổi trải qua ba đời không ai có thể ủy hoại, lại không thể dứt trừ phá hoại, ví như ma tuy đốt kinh đầu thế khiến cho pháp môn tánh thiện chấm dứt, dù làm cho Phật đốt hết sách ác cũng không thể nào làm cho pháp môn ác tận cùng được. Như đời Tần đốt sách vở chôn sống học trò, há có thể khiến cho thiện ác dứt bất tận cùng ư?

Hỏi: Xiển-đề không dứt mất tánh thiện còn có thể khiến cho tu thiện phát khởi, Phật không dứt tánh ác lại khiến cho tu ác phát khởi hay sao?

Đáp: Xiển-đề đã không đạt được tánh thiện, vì không đạt được cho nên lại bị thiện làm nhiễm, tu thiện được phát khởi rộng đối trị các tánh ác, Phật tuy không dứt trừ tánh ác mà có thể thấu suốt đối với ác, vì thấu suốt ác cho nên đối với ác tự tại không bị ác nhiễm, không khởi tu ác, không bao giờ còn ác cho nên tự tại rộng ra dùng các pháp môn ác hóa độ chúng sanh, suốt ngày sử dụng mà suốt ngày không vấy nhiễm, không vấy nhiễm cho nên không phát khởi, làm sao có thể dùng Xiển-đề để so sánh ư? Nếu Xiển-đề có thể thấu suốt thiện ác này, thì không trở lại gọi là nhất Xiển-đề. Nếu dựa theo người khác trình bày Xiển-đề dứt trừ không còn thiện vì thức A-lại-da vốn huân tập lại có thể phát khởi thiện, A-lại-da chính là vô ký vô minh, thiện ác nương vào gìn giữ làm tất cả hạt giống. Xiển-đề không dứt trừ vô minh vô ký cho nên trở lại phát sanh thiện, Phật dứt trừ vô ký vô minh không còn gì huân tập cho nên ác không còn trở lại phát sanh. Nếu muốn dùng ác cảm hóa mọi vật, chỉ thực hiện thần thông biến hóa rõ ra để độ chúng sanh như vậy.

Hỏi. Nếu Phật địa dứt trừ ác lại thực hành thần thông dùng ác cảm hóa mọi vật, thì đâu phải tác ý mới có thể khởi ác, như người họa vẽ các màu sắc ảnh tượng chẳng phải là tùy ý, như gương sáng tỏ không lay động thì cảnh sắc hình bóng tự hiện ra, có thể là lý không thể nghĩ bàn có thể tùy theo ác. Nếu tác ý ấy so với ngoại đạo đâu khác nhau?

Nay nói Xiển-đề không dứt mất tánh đức thiện gặp được duyên thiện phát ra, Phật cũng không dứt trừ tánh ác mà bởi cơ duyên kích thích thích bởi Từ lực huân ướp, đọa vào A-tỳ đồng với tất cả các ác sự hóa độ chúng sanh, vì có tánh ác cho nên gọi là không đoạn, không trở lại tu ác gọi là không thường. Nếu tu tánh đều không còn thì là đoạn

không được vì không dứt không thường, Xiển-đề cũng như vậy, tánh thiện không dứt trừ trở lại sanh ra thiện căn, tánh ác Như-lai không đoạn dứt trở lại có thể khởi ác, tuy khởi đối với ác mà là hiểu rõ tâm không vấy nhiễm, thông suốt phần hạn của ác tức là thật tế, có thể dùng tướng năm nghịch mà được giải thoát, cũng không trói buộc không thoát khỏi, hành nơi chẳng phải đạo mà thông suốt Phật đạo, Xiển-đề vấy nhiễm mà không thấu hiểu so với đây là khác nhau.

Phân biệt về trí đoạn: Đây là một pháp mà khác tên gọi không thể xa lìa nhau, như người có một thân vì sao từ trí dứt trừ đau khổ - ban cho vui vẻ? Nhưng tâm của tuệ giải xứng hợp với trí, thân không ràng buộc chướng ngại, xứng hợp với đoạn, ví như người bị trói, vận lực thuộc về trí tự cảm thấy phụ thêm bên ngoài thuộc về đoạn, vận động sức lực thuộc về tâm, nên gọi là trí tuệ trang nghiêm, phụ thêm đoạn thể chất phân tán thuộc về sắc thân gọi là trí tuệ phước đức trang nghiêm. Nay kinh văn nói và giải thích không thể trong một lúc, cho nên cùng nêu ra trí - đoạn. Nếu người hiểu được sâu sắc ý mười nghĩa này, hiểu rõ một ngàn thuận theo, giải thích rộng rãi về nghĩa Quán Thế Âm Phổ Môn thì không thể cùng tận.

Thứ hai giải thích riêng tên gọi: Chia làm hai, trước nói về Quán Thế Âm, kế nói Phổ Môn. “Vì sao gọi là Quán Thế Âm”, tổng quát giải thích như trước. Biệt giải thích dùng cảnh trí nhân duyên cho nên gọi là Quán Thế Âm. Thế nào là cảnh trí? Cảnh trí có hai: 1. Cảnh trí nghĩ bàn. 2. Cảnh trí không nghĩ bàn.

Cảnh trí nghĩ bàn lại có hai: 1. Dựa theo lý bên ngoài. 2. Dựa theo lý bên trong.

1. Lý bên ngoài chia làm bốn:

a. Cảnh trí thiên nhiên. Chỉ hỏi cảnh này là tương xứng theo cảnh cho nên là cảnh hay theo trí cho nên cảnh? Trí này tương xứng theo trí cho nên trí hay theo cảnh cho nên trí? Nếu theo cảnh cho nên là cảnh thì cảnh này là cảnh, cảnh tức là cảnh tự sanh ra. Nếu trí theo trí cho nên là trí cũng là trí tự sanh khởi, tự sanh khởi gọi là tánh tự như vậy, chẳng phải Phật - trời - người làm ra, chiếu soi và không chiếu soi thường là cảnh trí, cho nên gọi là cảnh trí thiên nhiên.

b. Nói về đối đãi: Nếu cảnh không tự là cảnh nhờ vào trí cho nên là cảnh, trí không tự là trí nhờ vào cảnh cho nên là trí, đây chính là nghĩa từ nơi khác nảy sinh, vì sao như vậy? Vì cảnh tự sanh ra cảnh đã gọi là tự, lấy cảnh hướng về trí, trí tức là Tha. Nay cảnh từ trí sanh ra há chẳng phải là Tha cảnh? Trí cũng như vậy cho nên gọi là đối đãi nhau.

c. Trình bày cảnh trí nhân duyên: Nếu cảnh không do trí cho nên là cảnh cũng không do cảnh cho nên là cảnh, thì trí cảnh nhân duyên cho nên là cảnh, trí cũng như vậy. Đây chính là nghĩa cảnh trí nhân duyên cùng nhau sanh khởi. Cùng nhau sanh khởi có hai là vượt qua và rơi vào trong tự - tha tánh.

d. Tuyệt đãi nói về cảnh trí: Chẳng phải cảnh chẳng phải trí mà nói cảnh trí, đây chính là lia cảnh lia trí không nhân duyên mà giải thích về cảnh trí ấy, đây là không nhân duyên tuyệt đãi, từ nhân duyên hầy còn không thể đạt được huống chi không nhân duyên? Xưa nay cho rằng tuyệt lý mà tận cùng không thành tuyệt đãi, đều là hành tâm bên ngoài lý vọng tưởng suy xét tới, cho nên Trung Luận chép: “Các pháp không tự nhiên sanh ra, cũng không từ nơi khác sanh ra, không cùng nhau không có nhân duyên, vì thế cho nên nói vô sanh”. Đâu được như bốn loài trước, suy xét chấp rằng là thật - còn lại là vọng ngữ. Chấp tánh thật thấy yêu thích sanh ra đấm trước chín mười tám sử, khổ tập mặc tình trôi lăn không ngừng, vì sao hấp vào đây mà sanh ra khổ tập? Tùy theo chấp vào một loại cảnh trí nói bởi là đúng, tùy thuận tâm khen ngợi thì ái trước mà sanh ra vui mừng, tức là tham sử. Nếu người làm trái lại tâm trách móc phỉ báng thì phẫn nộ mà sanh ra sân nhuế, tức là sân sử. Tham sân đã khởi lên há chẳng phải si sử hay sao? Minh hiểu rõ cảnh trí thì này mà người khác vốn không hiểu, vì cái chấp đó kiêu căng ngạo mạn đối với người há không phải mạn sử? Đã chấp điều này là đúng, nay tuy không nghi ngờ về sau sẽ nghi hoặc vô cùng há chẳng phải là nghi sử ư? Minh hiểu biết pháp này, trong pháp suy tính là mình há chẳng phải thân kiến ư? Sáu mươi hai kiến tùy đó rơi vào một phía há chẳng phải là biên kiến ư? Vọng chấp như vậy thông thích hợp đạo lý há chẳng phải tà kiến hay sao? Chấp đây là thật suy xét là Niết-bàn há chẳng phải kiến thủ quả đạo hay sao? Cho rằng đây là Đạo nhân đó tiến hành há chẳng phải là giới thủ nhân đạo ư? Mười sử quanh co như vậy đều từ cái chấp cảnh trí trước khởi lên, đem điều này trải qua ba cõi bốn đế thì có tám mươi tám sử. Ngay nơi tư duy trải qua ba cõi thì có chín mươi tám sử, đây là tập đế kiết nghiệp điên đảo vô cùng rộng lớn, mới chuốc lấy quả khổ sanh tử không ngừng, đối với cảnh trí đó không nhận biết khổ tập, thì chỗ nào có đạo diệt? Đã không nhận biết bốn đế thì phá bỏ nhân quả thế gian và xuất thế gian, không có pháp thế gian và pháp xuất thế gian cho nên không có Pháp bảo, không nhận biết quả xuất thế cho nên không có Phật bảo, không nhận biết nghĩa của nhân xuất thế cho nên không có Tăng bảo Hiền Thánh. Tất cả đều đánh mất.

Nếu dấy lên chấp cảnh trí tự nhiên sanh như vậy, chỉ là kết ràng buộc sanh tử, tăng thêm kết nghiệp tai họa lỗi lầm rất nhiều. Nếu chẳng phải lý bên ngoài thì cảnh trí lấy gì làm lý bên ngoài vậy? Do đó, Đại Luận chép: “Nói ba thứ phạm phu, kiến mạn và danh tự, bậc Thánh chỉ nói một loại là danh tự”. Nay phạm phu kiến mạn giữ lấy chấp trước sai lầm sử dụng lời Phật, ở giữa hai bên như vậy giữ lấy chấp trước trái với lý thành ra tranh cãi, tuy dựa theo kinh luận dẫn chứng văn tự, giống như sâu mọt ăn tượng gỗ thành chữ, tìm trong tâm đó thật sự không thể hiểu là chữ hay chẳng phải chữ, miệng nói cảnh trí mà không hiểu cảnh trí, vì không hiểu cho nên như uống cam lộ, tức dùng cảnh trí khởi lên kiến chấp tổn thương mạng chết sớm, vì thế bị Long Thọ phá đổ. Nay không chọn lấy điều này làm cảnh trí để giải thích Quán Thế Âm, tự sanh ra cảnh trí đã như vậy thì ba câu còn lại cũng thế.

2. Nói về cảnh trí nghĩ bàn lý bên trong: cũng thực hành bốn phần trên, danh tự tuy giống nhau mà quán trí thuần thực không sinh ra chấp kiến, hoàn tất cho nên không tạo ra cái mới trở thành đạo phương tiện. Phát sinh Noãn Đảnh cho đến mười sáu tâm nhãn, trí, minh, giác bỗng nhiên đặc ngộ, phá các kiến hoặc cùng tương ứng với lý, giống như người mù vàng thật giả phân biệt chính xác rõ ràng không sai. Chân quán này gọi là trí, lý được soi chiếu gọi đó là cảnh, vì phát sinh vô lậu cho nên xứng hợp cảnh trí bên trong lý. Tuy quán lý này mà cuối cùng là tác ý đi vào chân, cho nên gọi là cảnh trí nghĩ bàn. Nay nói về Quán Thế Âm cũng không thuận theo nhân duyên cảnh trí này mà được tên gọi.

Kế là nói về cảnh trí không thể nghĩ bàn: Nếu tự và tha đều có các nhân v.v... bốn câu đều chẳng phải cảnh trí, tức là các kinh luận nay đã trình bày hoặc từ nơi tự sanh - tha sanh - cộng sanh không có nhân v.v... Nếu không như vậy, sao nói là giải Thích-cảnh trí được? Đáp: Trong kinh trình bày, đều là bốn tất-đàn thích ứng duyên mượn danh tự mà nói, không chấp vào bốn tánh. Nếu người vui mừng nghe tự nhiên sanh ra cảnh trí, liền nói cảnh là tự cảnh - trí là tự trí, vì thích ứng tâm vui mừng mong muốn đó, hoặc lúc nên nghe tự trí tự cảnh nghe chắc chắn phát sanh thiện, hoặc lúc đối trị nói tự sanh ra cảnh trí, nói chắc chắn phá mê hoặc, có lúc nói điều này khiến cho lập tức ngộ đạo. Nếu không có bốn tất-đàn ích lợi, chư Phật Như-lai không thể uống công nói pháp, tuy làm ra bốn nói mà không chấp vào bốn loại, không chấp cho nên không có kiến ái. Chúng sanh nghe điều ấy như thúc ngựa thấy bóng cây roi, lập tức phá mê hoặc đi vào đạo cho nên gọi là trí: Từ trí

này soi chiếu gọi đó là cảnh, thông suốt như vậy thì nhận biết khổ tập đạo diệt, Tam bảo Tứ đế tự nhiên đầy đủ. Nếu dùng trí soi chiếu cảnh đi vào “Không” giữ lấy chứng, thành tự cảnh trí nghĩ bàn bên trong lý chân đế như trước đã nói. Nếu không lấy quả làm chứng, biết cảnh trí này chỉ có danh tự gọi là cảnh trí, là chữ không ở trong - ngoài - trung gian, là chữ không trụ cũng không thể không trụ, vì là chữ không vốn có. Tuy làm ra bốn câu trình bày cảnh trí mà thật sự không phân biệt cảnh trí bốn câu, Tuy làm ra bốn câu nghe về cảnh trí mà thật sự không đạt được cảnh trí bốn câu, tuy đích thân thấu hiểu bốn câu cảnh trí mà thật sự không làm ra bốn câu suy nghĩ về cảnh trí; ngôn ngữ đạo đoạn - tâm hành xứ diệt, không thể bốn câu tư duy toan tính, cho nên gọi là cảnh trí không nghĩ bàn. Kim Quang Minh chép: “Trí không nghĩ bàn soi chiếu cảnh trí không nghĩ bàn”. Điều này đầy đủ như trong Đại Bản Huyền Nghĩa Cảnh Trí Diệu giải thích rộng. Long Thọ trước tiên phá bỏ thời gian không gian nhất dị sau đó giải thích nghĩa “Tôi nghe như vậy v.v...!” Nay tương tự điểm này trước tiên phá bỏ cảnh trí bên ngoài lý, sau đó trình bày bốn tất-đàn không thể nghĩ bàn, nghĩa của tất-đàn giống như Đại Bản Huyền Nghĩa. Phàm dựa vào danh tự làm tiện lợi, cần phải trước tiên nói về quán trí, kế là giải thích về âm của cảnh thế gian. Nếu giải thích nghĩa làm tiện lợi, trước nói về cảnh thế gian, kế đến giải thích về quán trí, như trước đó có cảnh có thể được nói về quán, nếu chưa có cảnh thì nơi nào có thể quán. Ví như cảnh phát động sau mới chiếu soi. Nay thuận theo nghĩa tiện lợi, trước tiên nói về Thế Âm, sau nói về Quán trí vậy. Thế ấy chia làm ba: Một là ngũ ấm thế gian, hai là chúng sanh thế gian, ba là cõi nước thế gian. Đã có thật pháp thì có người không thật, giả thật chính đang thành tựu tức có y báo, cho nên gọi là ba loại thế gian. Thế là cách biệt tức là Thế của mười pháp giới cũng là mười loại ngũ ấm, mười loại giả danh, mười loại y báo, cách biệt không giống nhau cho nên gọi là Thế. Gian là tách ra sai khác, ba mươi loại thế gian sai khác không sai lầm hỗn loạn lẫn nhau, cho nên gọi là Gian, Tất cả đều có nhân - tất cả đều có quả, cho nên gọi là Pháp. Tất cả đều có ranh giới bờ cõi phân chia như nhau, cho nên gọi là Giới. Nay ngay nơi một pháp giới lại có mười pháp, đó là “như thị tướng tánh rốt ráo v.v...” Mười Giới tức là có một trăm pháp, mười Giới qua lại lẫn nhau thì có một ngàn pháp, các pháp như vậy đều là nhân duyên sanh pháp, Lục đạo là mê hoặc nhân duyên pháp, Tứ Thánh là hiểu rõ nhân duyên pháp. Đại Kinh chép: “Vô lậu cũng có nhân duyên, nhân diệt - vô minh chính là ba ngọn đèn Bồ-đề, các pháp nhân duyên này tức là

ba đế, pháp từ nhân duyên sanh - ta nói chính là không, cũng gọi là giả danh - cũng gọi là nghĩa Trung đạo”. Do đó nói về mười loại pháp giới - ba mươi loại thế gian, chính là cảnh của sở quán cảnh này lại chia làm hai, đó gọi là tự - tha. Tha ấy gọi là chúng sanh - Phật, tự ấy chính là tâm mà lại có đủ. Như Hoa Nghiêm chép: “Tâm giống như hoa sĩ giới, tạo nên các loại ngũ ấm, tất cả vật trong thế gian, không gì không do “tâm tạo”. Hỏi: Tự và tha sao có thể đều đầy đủ mười pháp giới? Đáp: Quán thân thật tướng thì quán Phật cũng như vậy. Hoa Nghiêm chép: “Tâm như vậy Phật cũng như vậy, tâm - Phật và chúng sanh ba thứ ấy không sai khác”. Há không phải tất cả đều đầy đủ cảnh ba đế hay sao? Âm tức là cơ của khẩu nghiệp trong mười pháp giới. Giới đã không giống nhau thì âm cũng có khác nhau.

Hỏi: Chúng sanh đều có ba nghiệp vì ý gì chỉ quán xét âm?

Như vậy trát luận chung đều được, luôn luôn niệm cung kính được lia bỏ ba độc tức là Quán Thế Âm. Lễ bái cúng dường thỏa mãn những cầu nguyện tức là Quán Thế Thân. Nhưng nay chỉ nói Quán Thế Âm ấy, xưa giải thích nghĩa này làm sáu: 1. Hướng về lập nên: Các tên gọi không thể liên tục nêu ra, nên một hướng để nêu tên gọi. Nếu gọi là Quán Thế Thân ấy, về sau lại hỏi lời nói này, ý gì không gọi là Quán Thế Âm, điều này thì không phải hỏi. 2. Thuận theo thế tục: Đức Thích-ca vốn nói dùng âm thanh thành Phật sự, vì vậy nói là Quán Thế Âm, như đạo qua các cõi nước tùy theo những thích nghi của họ. 3. Cùng nêu ra: Năng quán Sở quán Sở quán chính là sắc tâm chúng sanh. Nay thuận theo năng quán cho nên chỉ nói quán. Năng văn sở văn, Năng văn là nhĩ thức của bậc Thánh, sở văn là âm thanh của chúng sanh. Nay chọn lấy âm thanh sở văn, cùng nêu ra sở văn được năng văn, cùng nêu ra năng quán được sở quán, từ đây làm tên gọi cho nên nói là Quán Thế Âm. Xưa hỏi: Năng sở đã như vậy sao không chọn lấy, sắc tâm của sở quán - nhĩ thức của năng văn, để nêu lên danh gọi là Văn sắc Tâm Bồ-tát vậy? Xưa trả lời rằng: Bồ-tát một khi quán sát sắc tâm thì đây là ứng hiện rộng rãi, một âm thanh của chúng sanh đây là cơ nghi nhỏ hẹp. Nếu thuận theo câu hỏi thì Cơ có hai chữ - ứng chỉ một chữ, trở thành ứng hẹp mà Cơ rộng cho nên ngay việc hỏi đã không cân bằng. Nay lại hỏi: Lời nói này cần phải thuận theo nghĩa lý sao có thể theo từng chữ được? Vì Bồ-tát năng quán sắc tâm, vì sao không năng quán âm thanh; vì sao chúng sanh chỉ dùng âm thanh cảm ứng mà sắc tâm không thể cảm vậy? Nếu cùng cảm cùng ứng đó theo từng chữ này thực hành quán thì cảm ứng bình đẳng như nhau, nếu vì phân định sự rộng

hẹp đó, nay không làm ra sự trình bày này mà cùng nêu lên phạm thánh cảm ứng đều có ở cả ba nghiệp. bậc Thánh ý - phạm phu và Thanh nên nói là Quán Thế Âm. 4. Thuộc về nghĩa: Giống như phát ra âm thanh thì trước mượn ý hơi tiếp xúc môi miệng thì âm thanh đó phát ra. Nếu Khẩu nghiệp thành thì thân nhiếp được thân ý, nếu quán ở khẩu nghiệp cũng thân nhiếp được thân ý quán sát những phần khác không như vậy cho nên nói là thuộc về nghĩa. 5. Ẩn hiển: Thân tuy lễ bái - ý tuy còn niệm tưởng, mà không biết trở về hướng đến những nơi nào nên gọi là ẩn. Nếu miệng giảng nói nghĩa của sự việc thì rõ ràng cho nên gọi là hiển, nêu ra hiển giấu đi ẩn nên nói là Quán Thế Âm. 6. Khó dễ: Đứng trước gian nguy ở nơi ách nạn, ý thì mười niệm khó thành - thân thì lễ lạy quỳ cúi chập chạp, miệng đọc to vì gấp rút cho nên thành tựu cơ, thuận theo dễ dàng mà được tên gọi. Lại nữa, thứ sáu là có duyên, Quán Âm xưa kia là phạm phu ở cõi Tư Nhân thấy khổ mà phát thệ nguyện, nay sanh ở phương Tây nhiều lần trở lại cõi này, đã có thệ duyên cấp bách cần phải xưng to danh hiệu. Nay trình bày, nếu sáu nghĩa trước đều có nêu ra khắp nơi, hoặc dựa vào Thích Luận thì nghĩa đó trọn vẹn, tại vì sao? Vì xuất nhập tức là thân hành - giác quán là khẩu hành - thọ nhận là tâm hành. Tâm giác quán cho nên còn đầy đủ ba nghiệp, hướng chỉ phát ra giọng nói trở thành âm thanh mà lại không đầy đủ ba nghiệp hay sao? Chỉ nêu ra một quán tức là đầy đủ ba ứng, chỉ nêu ra một Âm tức là đầy đủ ba Cơ, mà phạm tình cho rằng âm thanh mạnh mẽ trí tuệ sắc bén lần lượt theo vật nêu lên tên gọi, nghĩa trọn vẹn hướng về suy ra tất cả đều đầy đủ.



QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA

QUYỂN HẠ

Thứ hai là nói về Quán: Lại chia làm hai: Một. Kết thúc cảnh của Thế Âm; Hai là nói về trí của năng quán.

Kết thúc cảnh thì chia làm sáu:

1. Kết tóm mười pháp giới là cảnh của nhân duyên;
2. Cảnh bốn đế.
3. Cảnh ba đế.
4. Cảnh hai đế.
5. Cảnh một đế.
6. Cảnh vô đế.

Ở đây vốn xuất xứ từ Đại Bản Huyền Nghĩa. Hai là nói về quán trí: Dựa sát cảnh nói về trí làm ra năm lần nói về quán trí. Ngay nơi nhân duyên thì bốn lần nhân duyên nói về quán, bốn đế cũng có bốn lần nói về quán, ba đế có hai lần nói về quán, hai đế có bảy lần nói về quán, một thật đế thì một lần nói về quán, vô đế thì vô quán. Các nghĩa như vậy có đủ nơi Đại Bản. Nay dựa theo ba đế nói về quán. Nếu luận chung mười pháp giới đều là pháp do nhân duyên sanh, nhân duyên này tức là Không - tức là Giả - tức là Trung. Tức không là Chân đế - tức Giả là Tục đế - tức Trung là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Nếu tách riêng mà luận thì sáu đường là pháp nhân duyên sanh, cõi Nhị thừa là Không - cõi Bồ-tát là Giả - cõi Phật là Trung. Nói về cảnh thì có hai ý, nay đối với cảnh nói về quán cũng là hai ý: Một là Thứ lớp ba quán; Hai - Một tâm ba quán. Thứ lớp: Như kinh Anh Lạc chép: “Từ Giả đi vào Không gọi là Nhị đế quán, từ Không đi vào Giả gọi là quán Bình đẳng, hai quán làm phương tiện được đi vào Trung đạo đệ nhất nghĩa đế”. Ba quán này chính là ba trí nói ở kinh Đại Phẩm: Một là Nhất-thiết-trí, biết tất cả nội pháp - nội danh - tất cả có thể biết, có thể hiểu, tất cả các pháp ngoài - danh ngoài - có thể biết, có thể hiểu, nhưng không thể dùng tất cả đạo khởi tất cả loại, cho nên gọi là Nhất-thiết-trí. Hai - Đạo chủng trí, có thể biết rõ tất cả các đạo chủng sai khác tức phân biệt giả danh không

sai lầm, cho nên gọi là Đạo chủng trí. Ba - Nhất-thiết-chủng-trí, có thể đối với một chủng trí biết tất cả các đạo - biết tất cả các loại. Một tướng vắng lặng - tướng các thứ hành so sánh có thể biết có thể hiểu, gọi là Nhất-thiết-chủng-trí. Nói nói về quán trí là tên gọi khác, riêng khác mà hướng tới từng phần khi ở Nhân thì gọi là Quán khi ở Quả thì gọi là Trí. Ba quán trí này tức là bốn loại mười hai nhân duyên quán trong Đại Kinh, hạ, trung, thượng - thượng thượng, Niết-bàn nổi thông chọn lấy Chiết pháp nói về bốn quán. Đại Phẩm - Anh Lạc trực tiếp dựa vào Ma-ha Diễn chỉ nói về ba quán - ba trí. Nay nếu khai thông hai kinh hợp lại với Niết-bàn, thì phải khai bày phát triển pháp từ Giả đi vào không quán sát sanh diệt Nhất-thiết-trí. Nếu hợp lại với Niết-bàn chính là hai kinh, hợp lại hai quán hạ - trung cùng với Nhất-thiết-trí. Nếu đem ba kinh hoặc khai triển hoặc hợp lại đối với năm nhân thì thiên nhân - nhục nhân soi chiếu sự việc thô tế đều là trí thế gian, tất cả là cảnh căn bản của các quán. Nếu ba quán ba trí từ đây liền đi vào Thể pháp Nhất-thiết-trí. Nếu bốn quán bốn trí này liền nhập vào pháp Nhất-thiết-trí cho nên nhục nhân thiên nhân làm gốc. Nếu đi vào Nhất-thiết-trí đối với tuệ nhãn - đạo chủng trí đối với pháp nhãn, nhất thiết chủng trí đối với Phật nhãn. Một câu kệ “Pháp do nhân duyên sanh” trong Trung Luận làm gốc của quán trí, ba câu đối với ba trí. Nếu đem ba quán trí đối với bốn giáo, thì phải khai triển như trước kia. Nếu đem bốn quán của Niết-bàn đối với bốn giáo thì hạ trí là sanh diệt Nhất-thiết-trí đối với giáo Ba tạng, trung trí là Thể pháp Nhất-thiết-trí đối với Thông giáo, Thượng trí tức là Đạo chủng trí đối với Biệt giáo, thượng thượng trí tức là Nhất-thiết-chủng-trí đối với Viên giáo. Sở dĩ phải nói ba quán, sao bỗng nhiên đối với bốn giáo ấy là sao? Nếu không có Giáo. tức là không có Quán, vâng theo giáo tu quán được thành tựu đối với trí, cho nên nói về Giáo. Giáo tất nhiên có người làm chủ, có người làm chủ chính là Phật, hoặc có thể một Đức Phật nói ra bốn giáo, hoặc có thể chỉ ra bốn tướng nói về bốn vị Phật. Bốn giáo đã có bốn người chủ tức là phải có bốn vị Bồ Xứ, chính là bốn loại Bồ-tát giúp đỡ Phật mở rộng bốn giáo này. Nếu nói tướng vắng lặng của các pháp không thể dùng lời nói ra, Đại Kinh chép: “Sanh sanh không thể nói cho đến bất - bất sanh cũng không thể nói ra”. Một giáo hãy còn không thể nói ra vì sao nói có bốn giáo? Đáp: Lý luận thực sự như vậy đều không thể nói ra, nhưng đến duyên lợi ích mọi vật có nhân duyên cho nên cũng có thể nói được, không những sanh sanh có thể nói ra mà thậm chí bất sanh bất sanh cũng có thể nói ra, dùng Giáo môn của Phật để thoát khổ sanh tử.

Giáo Ba tạng: Như trong Thích Luận trích dẫn Ca chiên diên Tử nói về nghĩa Bồ-tát; Đức Thích-ca ban đầu làm thợ gốm nhân dịp xưa kia phát nguyện trước Phật Thích-ca, từ đó đến nay mới phát tâm Bồ-tát, chính là người thực hành, cầu mong Bồ-đề thì gọi là pháp, rất chán ghét khổ tập - ưa cầu mong diệt đạo, liền phát khởi tâm từ bi thể độ thoát tất cả, thực hành hạnh sáu độ, hạnh nguyện giúp đỡ lẫn nhau dứt trừ khổ đau đem lại niềm vui. Vì sao như vậy? Vì keo sến tham gọi là Tập - rơi vào nợ quĩ gọi là khổ, thực hành bố thí gọi là Đạo - keo sến tên dừng lại gọi là Diệt. Bồ-tát tự mình điều phục xan tham dùng tâm bi xông ướp mọi vật, chúng sanh xứng danh liền có thể thoát khỏi khổ đau; tự thực hành bố thí cứu giúp dùng tâm từ xông ướp mọi vật, vật thuận theo có thể cứu độ thì có thể thị hiện khiến cho được an vui. Nên biết rằng vì đầy đủ thể nguyện rộng lớn mà tu hạnh bố thí. Cho nên ngu si gọi là Tập, sanh ở cõi trời gọi là khổ, tu trí tuệ gọi là Đạo - si mê - khuất phục gọi là Diệt. Tu trí tuệ qua một thời gian tự phá tan khổ tập để thành tựu tâm bi đem xông ướp cho chúng sanh, chúng sanh xứng danh liền được giải thoát, tự chứng đạt đạo diệt để thành tựu tâm từ đem xông ướp chúng sanh, chúng sanh có cơ cảm ứng được cứu độ. Vì vậy biết hạnh bổ sung cho nguyện. Thực hành lục độ này đều nói về thời gian, Thi-tỳ thay cho bờ câu là bố thí tròn đầy, Tu-ma-đê không nói dối là giới luật tròn đầy, vua Ca Lợi cắt đứt không lay động là nhẫn nhục trọn vẹn, đại thí biểu đạt rộng lớn là tinh tiến tròn đầy, tôn sùng xà lê ngồi thiền là thiền định tròn đầy, Cù Toản đại thân phân chia đất đai là Bát-nhã tròn đầy. Như vậy tư hành đến A-tăng-kỳ kiếp đầu tiên, không biết thành Phật - không thành Phật, tăng kỳ thứ hai tâm biết thành Phật - miệng không nói thành Phật, tăng kỳ thứ ba tâm biết miệng nói. Qua ba-tăng-kỳ rồi lại trăm kiếp gieo trồng tướng. Trăm phước bình thường sử dụng ba ngàn hai trăm phước tu thành, ba mươi hai tướng Đại Nhân lúc này mới gọi là Đại Bồ-tát, nhưng phục hoặc không dứt, như dê không mỡ béo, chọn lấy trí thế gian làm Bát-nhã chính là ý này. Sử dụng hạnh Bồ-tát này đối với hành vị Thanh-văn ấy, tăng kỳ đầu tiên có thể đối với niệm xứ thông - biệt, tăng-kỳ thứ hai có thể đối với noãn pháp, tăng kỳ thứ ba có thể đối với đảnh pháp, trăm kiếp gieo trồng tướng có thể đối với nhẫn pháp, lúc ngồi nơi đạo tràng có thể đối với Thế đệ nhất, ba mươi bốn tâm đoạn kết thành Phật, chính là đối với mười sáu tâm phát chân cho đến chín giải thoát về học. Bảy giờ ngồi nơi đạo tràng trên ba mươi bốn tâm dứt hoặc, chánh tập đều dứt sạch gọi là Phật Ba Tạng, cho nên Đức Thích-ca tinh tiến - đệ tử thuần thực.

Vì tinh tiến cho nên vượt trước chín kiếp mà tám tướng thành Phật. Đây chính là giáo môn đã nói của giáo Chủ Ba tạng. Địa vị Bồ xứ trong đây còn trăm kiếp, gieo trồng tướng - điều phục hoặc - trụ ở thân sau cùng. Thực hành thành tựu lục độ thệ nguyện sắp đầy đủ, từ bi xông ướp đối với chúng sanh dứt trừ khổ não ban cho niềm vui. Nếu ngay nơi cách giải thích này, chỉ là pháp nhân duyên sanh - trí thế gian nói về Quán chính là nghĩa Quán Thế Âm theo giáo Ba tạng.

Hỏi: Dựa vào Tam Tạng nói Thích-ca - Di-lặc phát tâm cùng một lúc, một vị vượt trên chín kiếp, vì sao hai vị Phật cùng thành Phật trong kiếp Hiền?

Đáp: Đức Thích-ca gặp được Phát Sa thúc đẩy trăm kiếp; Di-lặc gặp được chư Phật vì sao không thúc đẩy làm chín mươi mốt kiếp ư? Nếu vậy thì không có nghĩa trăm kiếp? Đáp: Đảm nhiệm pháp môn này thì có trăm kiếp, dùng năng lực tinh tiến thì siêu vượt lên.

Trong Thông giáo, như Đại Phẩm nói: “Người ba thừa đồng lấy Đệ nhất nghĩa để nói đạo không bằng lời, dứt trừ phiền não nhập vào Niết-bàn, cộng duyên một lý sử dụng quán dứt trừ hoặc chướng thông suốt, cũng gọi là cộng Bát-nhã giáo”. Việc này khác so với giáo Ba tạng. Thích Luận phá bỏ rằng: “Chẳng lẽ dùng tâm bất tịnh tu hạnh Bồ-tát, như đồ dùng độc hại chứa đựng thức ăn, ăn vào thì chết người. Bồ thí có thượng - trung - hạ gọi là xả bỏ tài vật thân mạng. Dũng sĩ liệt nữ cũng có thể xả thân, đâu được xả bậc trung gọi là bồ thí đầy đủ, bồ thí bậc trung chỉ gọi là Thí chẳng phải Ba-la-mật không thấy tài vật - năng - sở cả ba việc đều vắng lặng chẳng phải keo kiệt chẳng phải thí giúp, đây là chân thật bồ thí Ba-la-mật cho đến chẳng phải ngu chẳng phải trí - chẳng mê đắm không tuệ, gọi là chân thật Bát-nhã không chấp lấy thế trí”.

Luận chép: “Nếu chẳng tin không tất cả đều trái ngược, nên biết những gì ông đã tu đều không tương ứng với lý. Nếu tin các pháp Không, tất cả có tạo ra, vì Không cho nên có thể thành tựu tất cả các pháp, vì thế biết nếu đạt được tuệ Không thì có thể đầy đủ tất cả pháp”. Lại, Bồ-tát tu hành vô lượng kiếp, đâu chỉ là ba A-tăng-kỳ, những điều như vậy để phá bỏ lỗi giáo Ba tạng, để nói lên ý của Thông giáo trong Đại thừa. Kinh Đại Phẩm chép: “Bồ-tát phát tâm tương ứng với Tát-bà-nhã”. Đây chính là quán sát nhưn dứt trừ kết tương ứng với lý. Từ lúc phát tâm đến nay tức quán sát nhân dứt trừ kiết thì gọi là Bồ-tát, tức là mượn người (giả nhân) vậy, còn quán sát chân chính là pháp. Thường khởi chung với từ bi, tự dứt khổ tập tu đạo diệt, cũng lấy từ bi thệ nguyện dứt khổ tập

cho tất cả chúng sanh và đạo diệt, thể hội thấu suốt các pháp như huyền như hóa không sanh không diệt, cả ba sự việc đều mất để thực hành bố thí, cho đến tất cả pháp không còn đấm trước gọi là Bát-nhã. Dùng các hạnh này bổ sung cho nguyện, thì có thể phá trừ bốn trụ hoặc, thấy đệ nhất nghĩa, thì có ba thừa và mười địa, đó là Càn tuệ cho đến Phật địa. Nếu so sánh mười địa này với Thanh-văn thì Địa Càn Tuệ đối với niêm xứ chung riêng, Tánh Địa đối với vị trí bốn thiện căn, địa tám Nhân đối với tám Nhẫn, Kiến Địa đối với Sơ quả, Bạc Địa đối với nhị quả, Địa Ly Dục đối với tam quả, Dĩ Biện Địa đối với tứ quả, Địa Chi Phật tự đối với vị trí Chi Phật, địa Bồ-tát bản thân vượt ra giả phương tiện, đạo - quán cả hai trôi lăn đoạn chánh tập tiến dần đến Phật địa là hết. Vì vậy Luận chép: “Người này không còn phiền não nhưng tập khí không hết, vì thế nguyện giúp đỡ tập lại sanh vào ba cõi, lợi ích chúng sanh tịnh cõi nước Phật, há giống như Bồ-tát Tam tạng điều phục hoặc thực hành hạnh lục độ hay sao?” Bồ-tát này tu hành đoạn hoặc còn sót lại chưa hết, giống như khối nhỏ, từ bi thị hiện trong năm đường cứu độ mỗi vật, chúng sinh hoặc xưng gọi danh hiệu hoặc cảm ứng thấy, liền có thể dứt trừ khổ não ban cho niềm vui giải thoát được cứu độ, đây là Thông giáo thể hội Giả để đi vào quán Không, cũng gọi là Nhất-thiết-trí, tức là nghĩa Quán Thế Âm của Thông giáo.

Biệt giáo tách biệt khác với Thông giáo. Biệt giáo trình bày Bất công Bát-nhã cho nên nói là Biệt. Ví như Giáo tuy nói về Trung đạo mà vì người độn căn phương tiện nói về Trung, lần lượt hiển rõ lý trình bày rộng khắp trải qua nhiều kiếp tu hành, cho nên kinh Đại Phẩm chép: “Có Bồ-tát từ lúc ban đầu phát tâm du ký thân thông thanh tịnh cõi nước Phật, lần lượt tu tập hằng sa pháp môn giúp hiển bày lý Trung đạo, trước đây lùi bốn trụ hoặc kế là phá bỏ trần sa hoặc sau đó phá trừ hoặc vô minh”. Thập Tín chung điều phục các hoặc mà chính là điều phục bốn trụ hoặc, Thập Trú cũng là chung điều phục các hoặc, mà chính thức dứt trừ bốn trụ hoặc thành tựu Nhất-thiết-trí, Thập Hạnh vượt ra Giả dứt vô tri, thành tựu đạo chủng trí bao gồm điều phục hoặc trần sa bên ngoài giới, Thập Hồi Hưởng dứt trừ hoặc trần sa bên ngoài giới, thành tựu đạo chủng trí chính thức tu Trung đạo điều phục vô minh, Thập Địa dứt trừ vô minh, thấy Phật tánh, thành tựu nhất thiết chủng trí, giống như đốt vàng trước loại bỏ tạp chất sau đó đun chảy vàng, lần lượt dứt trừ kết hoặc cũng giống như vậy. Bồ-tát này phát tâm nắm giữ pháp tu hạnh từ bi, tự dứt trừ vô minh thành tựu chân ứng, đại thệ từ bi xông ướp ở pháp giới. Chúng sanh có cảm thì dứt trừ khổ não ban cho niềm

vui. Đây là từ Không nêu ra Giả quán đạo chủng trí, là nghĩa Quán Thế Âm của Biệt giáo.

Viên giáo ấy là, đích thực hiển bày Trung đạo này ngăn dứt hai bên, quán sát chúng sanh mười pháp giới chẳng phải Không - chẳng phải Giả - chẳng phải trong - chẳng phải ngoài, như cảnh tượng trong gương - trắng đáy nước, không ở trong - không ở ngoài, chẳng thể nói là có - chẳng thể nói là không, suy cho cùng chẳng phải thật mà lý ba đế rõ ràng đầy đủ, ở trong một tâm không có trước - không có sau, chính là một mà luận thành ba, chính là ba mà luận thành một, quán trí đã như vậy thì đế lý cũng như thế, một đế tức là ba đế, ba đế tức là một đế. Kinh Đại phẩm chép: “Có Bồ-tát từ lúc đầu phát tâm liền ngồi nơi đạo tràng xoay bánh xe pháp độ chúng sanh, tức là ở nơi sơ tâm có đủ tất cả Phật pháp quán xét ba đế, từ bi vô duyên ở trong một tâm vốn có tu muôn hạnh các Ba-la-mật”. Đi vào Thập Tín Thiết luận rồi có thể lâu dài tách biệt biển khổ luân hồi, bốn trụ hoặc hết sáu căn thanh tịnh gọi là tương tự giải, tiến lên đi vào Thập trú Đồng luân sơ tâm lập tức phá trừ vô minh, khai phát thật tướng ba trí hiện rõ phía trước, đạt được một thân Như-lai thì vô lượng thân vắng lặng thích ứng tất cả, tức là khai bày tri kiến Phật, thị, ngộ, nhập... Văn chép: “Chính là bỏ ngay phương tiện chi nói về Vô thượng đạo”. Lại chép: “Nay sẽ vì ông nói sự việc chân thật nhất”. Tức là một thật đế ba quán ở trong một tâm Viên giáo. Kinh Đại Phẩm chép: “Nếu nghe phần chữ A thì hiểu rõ tất cả các nghĩa”. Đại Kinh chép: “Phát tâm, cuối cùng hai chẳng khác nhau - Hai tâm như vậy tâm trước khó hơn, vì thế cho nên kính lễ sơ phát tâm, chính là nghĩa này vậy”. Tri kiến trong này chỉ gọi là Phật tri - Phật kiến, tức là Nhất-thiết-chủng-trí biết - Phật nhãn nhìn thấy. Phật nhãn nhìn thấy - Phật trí biết rõ, chẳng phải không thể soi chiếu rõ ràng pháp khác, vì từ nghĩa thù thắng được tên gọi, ví như các dòng chảy đổ ra biển mất đi tên gọi vốn có. Đại Luận chép: “Mười trí hòa nhập trí như thật không trở lại tên gọi vốn có, chỉ gọi là Như thật trí, nhãn cũng như vậy, năm nhãn đầy đủ thành tựu Bồ-đề, mà nay chỉ gọi là Phật nhãn”, Đại Kinh chép: “Người học Đại thừa tuy có nhục nhãn gọi là Phật nhãn”, nếu căn cứ theo đây thì người học Tiểu thừa, tuy có tuệ nhãn mà gọi là nhục nhãn. Nếu hiểu rõ như vậy thì gọi là người - pháp Viên giáo, dựa theo tứ đế Vô tác phát khởi Từ bi vô duyên, tu định tuệ không hai thành tựu hai thân chân ứng, chân khắp cả pháp giới - Dực Châu thích ứng rộng khắp tất cả, ngang dọc khiến cho cơ nghi được hai lợi ích ngầm kín và hiển rõ. Vì không thiếu Bảo tạng Kim Cang Bát-nhã, trừ bỏ căn bản rất

ráo giải thoát. Dùng Thủ lãng nghiêm pháp giới kiện tướng ban cho ba điểm Niết-bàn đại tư tại lạc, gọi là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế quán nhất thiết chủng trí, là nghĩa Quán Thế Âm của Viên giáo.

Hỏi: Quán này quán sát chúng sanh chẳng phải không - chẳng phải có, sao nói thực hành từ bi?

Đáp: Như trong Tịnh Danh giải thích.

Hỏi: Nếu quán mười pháp giới chẳng phải Không - chẳng phải Giả, tức là phá bỏ tất cả nhân quả ư?

Đáp: Nếu không trình bày Trung đạo thì không nhận biết chẳng phải quyền - chẳng phải thật, cũng không có quyền - không có thật thì không có bốn lần nhân quả. Nếu nói Trung đạo thì quyền thật cùng soi chiếu, có thể có ba loại quyền bốn đế khổ tập nhân quả - ba loại đạo diệt nhân quả, cho đến một chân thật tứ đế Vô tác nhân quả thế gian xuất thế gian, rõ ràng đầy đủ ở trong một niệm tâm. Vì sao? Vì dùng tuệ Thật tướng giác ngộ rõ ràng các pháp chẳng phải không - chẳng phải có, cho nên gọi là Phật bảo. Vốn giác ngộ lý pháp tánh đầy đủ ba đế, tức là Pháp bảo. Như vậy giác tuệ hòa hợp cùng với lý sự gọi là Tăng của bảo. Sự hòa hợp thì có Hiền Thánh Tăng ba giáo trước, hòa hợp với lý thì có bốn mươi hai Hiền Thánh Tăng của Viên giáo. Do đó Đại Kinh nói ánh sáng thêm bớt mà nêu ra hai thí dụ, mười ngày trước dựa theo ánh sáng nói về thêm, mười lăm ngày sau dựa vào ánh sáng nói về bớt, mà tánh trăng đó thật ra không khuyết hay tròn, trước sau hướng về nhìn thấy chẳng thể không tròn hay khuyết. Tánh trăng tròn đầy ấy là dụ cho Thật tướng, ánh sáng thêm bớt để dụ cho Trí - Đoạn. Ánh sáng trí tuệ tăng lên ấy tức là các pháp không sanh ra mà Bát-nhã sanh, ánh sáng của đoạn giảm đi ấy tức là các pháp không diệt đi mà phiền não diệt. Đại Kinh cũng gọi vô minh là minh, cho nên biết dùng thí dụ ánh sáng không chính đáng diệt đi, thêm bớt như vậy ngày ngày luôn có, trí - đoạn như vậy từng Địa từng Địa đều đầy đủ. Nếu ngày mười lăm Thế tròn đầy ánh sáng đủ, thì mặt trăng, ánh sáng không tròn đầy thêm nữa. Đây là dụ cho lý Trung đạo cao nhất - trí Bồ-đề hoàn toàn. Do đó nói không sanh - không sanh gọi là Đại Niết-bàn. Nếu ngày ba mươi Thế không còn - ánh sáng mất cuối cùng không còn lại gì, đây là dụ cho vô minh đã xua đuổi - tà đảo vắng lặng trừ bỏ không có hoặc nào đáng đoạn. Cho nên nói không diệt - không diệt gọi là Đại Niết-bàn. Trăng ba ngày đầu dụ cho ba mươi tâm trí - đoạn, trăng mười ngày kế là dụ cho -Thập Địa trí đoạn trăng ngày mười bốn dụ cho Đẳng Giác trí đoạn ngày mười lăm dụ cho Diệu Giác trí đoạn Bát-nhã hàng Nhân vương

- Thiên vương lấy ngày mười bốn dụ cho mười bốn Bát-nhã, chính là ý này. Như vậy trình bày về trí - đoạn Tăng Bảo đều dựa theo một pháp thật tướng Trung đạo, tất cả nhân quả không hề phá bỏ đánh mất điều gì. Nếu không nói về Trung đạo chẳng phải Không - chẳng phải Giả mà chỉ suy nghĩ đến đoạn - thường... tức là phá bỏ nhân quả thế gian - xuất thế gian của bốn đế sanh diệt, phá bỏ Tam bảo của giáo Ba tạng. Nếu chỉ nói về sanh diệt vô thường, tức là phá bỏ bốn đế vô sanh Tam bảo của Thông giáo. Nếu chỉ nói Thể pháp không sanh không diệt chân đế, tức là phá bỏ bốn đế vô lượng Tam bảo của Biệt giáo. Nếu chỉ nói thứ lớp hiển bày chẳng phải Không - chẳng phải Giả, đây cũng phá bỏ nhất thể Tam bảo Tứ đế vô tác Viên giáo: Từng bước truyền tiếp, trước thì phá lỗi nhiều, sau càng ít dần, ý có thể hiểu vậy. Hỏi: Nếu tu đầy đủ thật tướng một pháp ba đế - một tâm ba quán đầy đủ các pháp thì cũng nên một giáo bốn, giải thích xứng hợp ở Viên giáo tức đầy đủ, đâu cần bốn giáo như trước phân chia? Đáp: Ở trên khai triển trật tự chép: Lần lượt ba quán, một tâm ba quán, nói giáo cũng hai, nếu một giáo giải thích trọn vẹn tất cả các pháp ấy là đi đến người lợi căn, hoặc bốn giáo sai khác thì lưu lại cho người độn căn. Nếu không mượn dần dần phân biệt viên đốn thì nhờ đâu có thêm hiểu rõ? Sử dụng riêng khác hiển bày trọn vẹn cho nên trước nói về bốn giáo. Tuy nói nhiều thứ đạo mà thật ra là một thừa. Lại ở trong pháp sâu xa khác của Như-lai nêu ra giáo lợi hỷ, pháp còn lại chính là ba phương tiện dẫn dắt tìm cách khiến cho khai bày lý pháp không. Nếu hội nhập tuệ Phật thì phương tiện không có tác dụng, cho nên chép: “chỉ có một sự thật này hai điều còn lại chẳng phải chân thật”. Vì vậy biết chỉ một giáo viên đốn là đích thực quán Nhất-thiết-chủng-trí Trung đạo. Chỉ có điều này là thật Quán Thế Âm những điều khác đều là phương tiện nói ra.

Lại, nếu có những gì đã nói hoặc quyền hoặc là thật đều là phương tiện, chẳng phải quyền chẳng phải thật đường ngôn ngữ dứt chỗ tâm hành diệt không thể giải thích bày tỏ, không sanh - không sanh diệu ngộ khế lý mới gọi là chân, đây cũng không phải thật có tự thể.

Kế là nói về quán tâm: Nguồn tâm vốn tịnh, vô vi vô số, chẳng phải một chẳng phải hai, vô sắc vô tướng, chẳng phải lệch chẳng phải tròn, tuy là cảm giác biết rõ mà cũng không cảm giác biết được. Nếu niệm - chưa niệm bốn vận tra tìm tâm cuối cùng không thể đạt được, há có thể lần lượt hay không lần lượt quán sát thiên lệch - tròn đầy hay sao? Giống như hư không như nhau chẳng có gì sai khác. Tâm tánh này suy cho cùng là vô tâm, lúc có nhân duyên cũng có thể sáng tỏ tâm. Đã

có nói về tâm tức nghĩa là phương tiện chánh quán, giống như hư không cũng có hai thời âm dương, tâm cũng như vậy, tuy không nghiêng lệch hay tròn đầy mà cũng nói về tiệm đốn. Nếu thực hành quán tâm theo thứ lớp ấy tức là ý phương tiện dần dần vậy. Nếu quán tâm có đủ tánh đức ba đế - tánh đức ba quán và tất cả các pháp, không trước không sau - không có thứ lớp trong một niệm đầy đủ, pháp của mười pháp giới - ngàn loại tánh tướng pháp nhân duyên sanh, tức không tức Giả tức Trung, ngàn loại ba đế - vô lượng vô biên pháp thấy đều đầy đủ trong một tâm. Đây tức là không quán sát theo thứ tự. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Trong tất cả thế gian chẳng có gì không từ tâm tạo ra, tâm như họa sĩ giỏi tạo nên các loại ngũ âm”. Nếu quán tâm không thì từ tâm tạo nên tất cả đều không, nếu quán tâm là có thì từ tâm sanh ra tất cả đều có. Tâm nếu chắc chắn có thì không thể làm cho không. Nếu tâm chắc chắn là không thì không thể khiến cho có. Vì chẳng chắc chắn không - không thì chẳng phải không, vì không nhất định có - có chẳng phải có. Chẳng phải không chẳng phải có ngăn dứt cả hai bên, gọi là Trung đạo. Nếu quán tâm chẳng phải không chẳng phải có, thì tất cả từ tâm sanh ra pháp cũng chẳng phải không chẳng phải có. Tất cả các pháp ở trong một tâm đồng đều như vậy. Nếu có thể quán tâm như vậy, gọi là Thượng Thượng quán được quả Bồ-đề như chư Phật. Kinh Tịnh Danh chép: “Quán thật tướng thân - quán Phật cũng như vậy, quán thân tướng đã đồng đẳng với Phật thì quán tâm tướng cũng đồng với Phật” Hoa Nghiêm chép: “Tâm - Phật và chúng sanh ba thứ ấy không sai khác”. Nên biết rằng quán sát nguồn tâm này đồng đẳng với Như-lai. Nếu thực hành quán nào khác để quán tâm thì đều là phương tiện, gọi là tà kiến. Nếu thực hiện quán sát trọn vẹn như vậy, thì gọi là chân thật chánh quán, tức là khai bày tri kiến Phật - ngôi chỗ ngồi Như-lai, từ bi như vậy tức là đi vào nhà Như-lai, an nhẫn pháp này tức là mặc áo Như-lai, tu quán tuệ này tức là trang nghiêm Như-lai, người đó đi đứng ngồi nằm đều phải xây tháp, sanh ý nghĩ đến Như-lai. Quán tâm như vậy gọi là quán tâm Phật.

Thứ hai là nói về Phổ Môn, tức là chia làm hai: Một là chung con đường trình bày Môn, Hai. Trải qua mười nghĩa giải thích. Sáu ý chung ấy là: 1. Sơ lược bày ra tên gọi về Môn. 2. Chỉ ra tướng của Môn. 3. Nói về quyền thật. 4. Trình bày Phổ và không Phổ. 5. Dựa theo bốn Tùy. 6. Nói về quán tâm.

Bày ra tên gọi về Môn: Thông suốt thuận theo thế gian, như cửa nhà người thông suốt cho đến nhà ở sang trọng và nghèo nàn. Hạng

thấp hèn lấy mười điều ác - năm tội nghịch làm cửa thông suốt đến ba đường, hàng trong suốt lên cao lấy các thứ năm giới, mười điều thiện - bốn thiện - bốn định làm cửa, thông suốt đến trời người, ngoại đạo lấy đoạn thường làm cửa, thông suốt đến hoặc khổ, ái lấy bốn đảo làm cửa, kiến lấy bốn câu làm cửa, thiện ác tuy khác nhau nhưng nói tóm lại thì, đều là cửa hữu lậu của thế gian, thông suốt đến sanh tử như vậy. Nếu dựa theo Phật pháp nói về Môn cũng giống rất nhiều. giáo Ba tạng bốn môn thông suốt cả Niết-bàn hữu dư và vô dư, Thông giáo bốn môn gần gũi thì chung đến Hóa Thành - xa hơn thì thông đến Thường Trụ, Biệt giáo bốn môn từng bước chung đến Thường trụ, Viên giáo bốn môn nhanh chóng đến Thường trụ. Đây thì bốn giáo - mỗi giáo bốn môn - cả thấy là mười sáu giáo môn, lại có mười sáu quán môn, tất cả là ba mươi hai môn, nghĩa của Năng thông phân biệt tướng đó ở trong Đại Bản Huyền Nghĩa.

Chỉ ra tướng của Môn: giáo Ba tạng bốn môn đó là A-tỳ-đàm là Hữu Môn, Thành Thật là Không Môn, Côn-lặc vừa Không môn vừa Hữu Môn, Xa - Nặc chẳng phải không môn chẳng phải Hữu-môn, mỗi môn trình bày rộng về hành pháp phân định địa vị Hiền Thánh, căn cứ vào Môn thông suốt Lý. Thông giáo bốn Môn, đó là Hữu của như huyễn, Không của như huyễn, vừa Không vừa Hữu, chẳng phải Không chẳng phải Hữu, mỗi môn thực hiện hành tướng phân định địa vị Hiền Thánh, căn cứ vào môn thông suốt Lý. Biệt giáo bốn môn: Quán thật tánh như nhà tối và bình lọ bốn chậu tức là Hữu Môn, quán Phật tánh như hư không trên bầu trời thành Ca-tỳ-la tức là Vô môn, Quán Phật: tánh như vàng trong đá - người có phước được vật báu - người có tội nhìn thấy đá là môn vừa hữu vừa Vô; quán Phật tánh là xa hai bên tức là Trung đạo, môn chẳng phải Hữu chẳng phải Vô; mỗi thức hiện hành tướng phân định địa vị căn cứ vào Môn thông suốt Lý. Bốn Môn của Viên giáo gọi là không dị biệt chỉ một Môn tức là ba Môn, ba Môn tức là một Môn, không phải một, không phải bốn, không khác qua từng phần tách biệt, viên dung bốn của không bốn, mỗi môn phân định tướng hạnh vị không nghĩ bàn và căn cứ vào môn thông suốt Lý. Nghĩa này đều ở Đại Bản.

Nói về quyền thật các môn: Giáo quán của Tam tạng và Thông giáo, mười sáu môn năng thông - sở thông đều là quyền, giáo quán năng thông của Biệt giáo là quyền - sở thông là Thật, giáo quán tám môn năng thông sở thông của Viên giáo đều là Thật, nói đầy đủ trong Quyền Nghĩa kia.

Trình bày Phổ và không Phổ: Nếu các Môn như phạm phu - ngoại đạo - kiến - ái hãy còn không có thể thông suốt vượt ra ba cõi, hướng chi Phổ ư? Giáo Ba tạng và Thông giáo tuy thông suốt Hóa Thành cũng giống chẳng phải phổ. Biệt giáo từng bước thông suốt cũng chẳng phải nghĩa của Phổ. Chí riêng giáo quán Thật tướng của Viên giáo là pháp môn có thể khắp cả mười pháp giới, ngàn táng tướng ba đế trong một lúc thông suốt. trong một lúc trọn vẹn, thông suốt trọn vẹn Trung đạo cùng soi chiếu hai đế, một mình gọi là Phổ Môn. Lại, như trong kinh Tịnh Danh nói: Nhập không hai môn ấy. Sanh tử Niết-bàn là hai bên, không dựa vào sanh tử - không dựa vào Niết-bàn, gọi là Không hai, cũng giống chẳng phải một, tại vì sao? Đã trừ bỏ đối với hai nếu trở lại ở nơi một, một đối với chẳng phải một hãy còn trở lại thành hai, chẳng lẽ gọi là Không hai hay sao? Nay không ở hai cho nên nói không phải một - không hai, cũng gọi là không có - chẳng không có. Không có là phá bỏ Giả, chẳng phải không có là phá bỏ không. Không có là phá bỏ hai, không không có là phá bỏ một. Nếu như vậy thì nên còn lại Trung đạo. Trung đạo cũng là không. Đại kinh chép, “Minh và vô minh - tánh đó không hai, tánh không hai tức là Trung đạo”. Trung đạo đã không đối với hai bên thì không này cũng không, nên gọi là chẳng không không, gọi là chẳng thể đạt được không, đó là đi vào pháp môn không hai, tức là ý của viên giáo dựa vào Không Môn giải thích về Phổ Môn. Ba mươi mốt vị Bồ-tát đều nói pháp môn không hai, Văn thù nói ở không nói là pháp môn không hai, Tịnh danh ngâm miệng là pháp môn không hai. Tìm tòi kỹ càng văn kia đều có nghĩa của bốn môn. Đại sư Tăng Triệu chú giải rằng: “Các vị Bồ-tát nhiều lần nói pháp tướng tức là Hữu Môn, Văn thù nói ở nơi không nói - đây chính là Không Môn”. Kinh Tư Ích chép: “Tất cả pháp chánh - tất cả pháp tà, cũng là ý của Phổ Môn. Tâm đạo qua pháp giới giống như hư không, là vừa không vừa Hữu Môn. Tịnh Danh lặng yên tức là môn chẳng phải không chẳng phải Hữu Môn”. Bốn mươi hai tự Môn trong Đại Phẩm - trước là A sau cuối là Trà ở giữa có bốn mươi chữ, đều vốn có công đức các chữ, đây cũng là Phổ Môn không hai. Trước phẩm Phương Tiện chép: “Môn Trí tuệ đó khó hiểu khó vào”. Phẩm Thí dụ chép: “Chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp”. Các kinh nói về Môn Thật Lý ấy, toàn bộ là ý Phổ Môn.

Tùy và quán tâm v.v... đều nói trong Đại Bản Huyền nghĩa. Hai là giải thích mười nghĩa Phổ Môn: Chí Lý chẳng phải số đếm, duyên đến lợi ích chúng sanh, hoặc thực hiện tên gọi đôi chút hoặc đến vô lượng, rộng lược tùy nghi, nhưng tạm thời lấy mười nghĩa thích hợp: 1. Từ bi

Phổ. 2. Hoàng Thệ Phổ. 3. Tu hành Phổ. 4. Đoạn hoặc Phổ. 5. Nhập pháp môn Phổ. 6. Thần thông Phổ. 7. Phương tiện Phổ. 8. Nói pháp Phổ. 9. Cúng dường chư Phật Phổ. 10. Thành tựu chúng sanh Phổ. Trên đã nói con đường Phổ Môn đã dựa theo pháp rồi. Mười Phổ Môn này đều dựa theo tu hành phước đức trang nghiêm, năm mục trước là tự hành, ba mục kế là hóa tha, hai mục sau cùng kết hợp hai ý trước. Bốn mục trước trong tự hành là tu nhân, một mục sau là trình bày quả. Tu nhân lại có hai: Hai mục đầu tiên là nguyện, hai mục sau là hạnh.

1. *Từ bi phổ*: Nói chung sự sanh khởi ấy là Bồ-tát thấy tất cả sự khổ não của chúng sanh phát khởi đại từ bi. Tâm này tuy không chính là tâm Bồ-đề mà có thể phát sinh tâm Bồ-đề, ví như đất - nước tuy chẳng phải hạt giống mà có thể làm cho nảy mầm. Nay nhân đại bi phát khởi tâm Bồ-đề cũng giống như vậy.

Kế là thệ nguyện, Nếu chỉ từ bi thì vui mừng nhiều nên lui sụt rơi rụng, trứng cá - hoa am la - Bồ-tát ban đầu phát tâm là ba việc, thời gian tu nhân nhiều và thành tựu quả đó rất ít. Vì không chắc chắn, cần phải phát khởi thệ nguyện yêu cầu kỳ hạn ràng buộc nắm giữ tâm này, chính là Bồ-đề vững chắc.

Kế đến nói về tu hành: nếu chỉ phát nguyện đối với người khác mà chưa làm lợi ích cho họ, như không có tài vật thế lực quyền mưu thì không thể dứt trừ tai nạn, Bồ-tát cũng như vậy, cần phải phước đức tài vật thần thông và trí tuệ quyền mưu, mới có thể hóa đạo. Đại kinh chép: “Trước dùng định tác động sau dùng tuệ dứt trừ”, tu hành bổ sung cho nguyện ý ở điểm này.

Kế nói dứt hoặc: Luận Thành thật nói người không ngăn ngại đạo điều phục giải thoát đạo đoạn. Nếu vậy thì tu hành là điều phục đạo làm nhân, dứt hoặc là giải thoát đạo làm quả. Nếu Tỳ-đàm nói đạo vô ngại một niệm chính là đoạn, sao có thể cho phép cùng với bảy giác chi mà có nghĩa của điều phục hoặc? Dùng đạo phương tiện điều phục đạo vô ngại đoạn giải thoát đạo chứng. Dẫn Thích Luận chép: “Trong đạo vô ngại thì hành gọi là Bồ-tát, trong đạo giải thoát thì hành gọi là Phật. Đây là dựa theo rốt ráo làm lời nói, Phật chứng Tam-muội Bồ-đề gọi là đạo giải thoát”. Nếu vậy thì tu hành là đạo phương tiện, dứt hoặc là đạo vô ngại, nhập pháp môn là đạo giải thoát, chọn lấy thứ lớp tự hành này.

Kế là nói về thần thông: Nếu muốn cảm hóa người khác thì bày tỏ ba bí mật, thần thông là bày tỏ sắc thân, phương tiện là bày tỏ ý đồng tình, nói pháp là bày tỏ miệng tùy theo âm thanh của loại đó. Đây là

thứ lớp hóa tha. Cúng dường chư Phật kết hợp với tự hành, chẳng những hoa hương hay bốn sự là cúng dường, mà còn tùy thuận tu hành là pháp cúng dường, bậc nhất trong các thứ cúng dường. Đại kinh chép: “Ông thuận theo lời ta nói tức là cúng dường Phật, vâng theo giáo pháp mà thực hành là kết hợp với tự hành, thành tựu chúng sanh là kết hợp với hóa tha”. Bồ-tát trong bốn oai nghi còn không quên chúng sanh, hướng chỉ đi vào các pháp môn thanh tịnh cõi nước Phật, đều vì thêm nhiều lợi ích cho tất cả chúng sanh, cho nên một câu kết hợp với hóa tha. Kế là giải thích: Bắt đầu từ trời người cho đến các địa trên đều có từ bi, lời nói này chính là thông suốt không vượt ngoài chúng sanh, pháp duyên và vô duyên. Nếu duyên chúng sanh mà chúng sanh sai khác giả danh không giống nhau, nhân quả khổ vui có khác nhau, hãy còn không được đi vào nơi từ của pháp duyên, làm sao có thể gọi là Phổ được? Nếu Pháp duyên vô nhân - vô ngã, không có chúng sanh, từ giả để đi vào không còn chẳng được các giả danh, hướng chỉ là Phổ: Nếu vô duyên từ, không duyên với giả danh của hai mươi lăm hữu, không duyên với pháp Niết-bàn của Nhị thừa, không duyên với hai bên này, tuy không có gì duyên theo, nhưng có thể cùng soi chiếu cả không giả, dựa vào đây phát khởi từ ngữ gọi là vô duyên từ, tâm thông với ba đế gọi đó là Phổ. Giải thích riêng: Nếu tu chúng sanh duyên Từ ấy, quán Giả danh của chúng sanh một pháp giới, có thể không gọi là Phổ, nay quán Giả danh của chúng sanh mười pháp giới, mỗi giới đều có mười thứ tánh tướng như bốn mặt cứu cánh đúng... Mười pháp giới thay nhau thì có trăm pháp giới ngàn loại tánh tướng, kín đáo phục ở tâm tuy không hiện rõ trước mặt mà khác nào đầy đủ, ví như mặt người đầy đủ thì ngừng chệch ở tướng, người tầm thường không biết, Thầy tướng số khéo biết. Nay tánh tướng chúng sanh trong một tâm đầy đủ, cũng giống như vậy, người bình thường nhiều điên đảo một ít không điên đảo lý mà tình mê đủ, bậc Thánh hay biết liền nhận thức biết như Thầy tướng số kia, biết ngàn thứ tánh tướng này đều là pháp do nhân duyên sanh. Nếu là nhân duyên xấu ác sanh ra pháp, thì có tánh tướng khổ cho đến đến gốc ngọn của khổ, đã chưa giải thoát, quán sát khổ này mà khơi dậy đại bi. Nếu quán nhân duyên tốt đẹp sanh ra pháp, thì có tánh tướng vui cho đến gốc ngọn vui, quán sát điều này mà phát khởi đại từ, giải thích đầy đủ như Đại Bản. Nay dựa theo hai giới trước sau thì trung gian có thể hiểu rõ. Tánh cõi Địa ngục như vậy: Tánh gọi là không thay đổi, như trong tre trúc có tánh lửa. Nếu không có tánh đó, không cần phải cầu lửa từ tre trúc - cầu nước từ đất đai - cầu gió từ quạt. Tâm có cõi địa ngục thì tánh

cũng giống như vậy. Tướng địa ngục ấy là, thu nhận mà có thể tách biệt gọi là Tướng, người khéo quán sát tâm thì liền nhận biết tướng của địa ngục, như thầy tướng giỏi phân biệt tướng không lầm, nên gọi là tướng. Thể ấy là lấy tâm làm thể, tâm cảm nhận khổ vui cho nên lấy làm thể tướng đương. Ví như sự khác nhau của cái thoa - cái xanh, cái trâm - cái xuyên, chung quy lấy bạc làm thể chất. Sắc của sáu đường quả là khác nhau chỉ là dựa theo tâm, cho nên tâm làm Thể. Cho đến vận dụng cai quản gọi là lực, duyên theo núi đi vào lửa đều là khả năng đó. Tác là hành động gọi là Tác, đã có thể có năng lực tức là có hành động tạo ra, hoặc làm điều thiện - làm điều ác. Nhân là nghiệp là nhân, Duyên là nhờ cậy mượn làm duyên, như ái thắm nhuần nghiệp nên nhân duyên hòa hợp. Quả là tập quả, như người địa ngục đời trước nặng về dâm dục, đọa vào địa ngục vẫn dựa vào nặng về dâm dục thấy cảnh đáng yêu, thì liền hưởng về người thân kề cận gọi là tập quả. Báo là báo quả, xưa có tội dâm dục nay đọa vào địa ngục chịu khổ quay nướng, gọi là báo quả. Bản là tánh đức của pháp. Mạt là tu đạt được pháp. Cứu cánh đấng là tu được tức là đều có tánh đức, thu nhận tánh đức tức là có tu đạt được, ban đầu và sau đều có nên nói là Đấng. Mười tướng tánh của cõi địa ngục đã như vậy, thì chín giới còn lại cũng như vậy.

Hỏi: Giới ấy có mười tánh tướng có thể như vậy, vì sao nói thay nhau cùng có lẫn nhau? Giới còn lại thay nhau đã khó có thể tin, vì sao nói địa ngục có tánh tướng bốn mạt của Phật?

Đáp: Đại Kinh chép: “Hễ có tâm ấy thì đều sẽ đạt được Tam-miêu Bồ-đề, như Tiên Dự giết Bà-la-môn liền có ba niêm, lại Bà tẩu nói người địa ngục Thích-ca cũng rắn hay mềm mỏng, tuy ở địa ngục mà lý của Phật tánh cuối cùng không mất”. Cho nên biết cõi địa ngục tức là có Phật tánh, Phật tướng ấy chính là tướng của tánh đức. Kinh Tịnh danh nói “Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ-đề, bậc Thánh xem xét yên tánh như thế có thể tách biệt”. Thể ấy chính là lý thật tướng của tâm cõi địa ngục, lực là đại dụng biến đổi thông suốt mười lực của pháp tánh. Tác ý là từ vô trụ vốn lập nên tất cả các pháp, như gân sừ tử sữa sừ tử vậy. Nhân là chánh nhân, duyên là tánh đức duyên liễu, quả tức là đại quả Bát-nhã Bồ-đề, báo tức là quả của đại quả Niết-bàn, bản tức là tánh đức, mạt chính là tu đạt được, đấng ấy là tu đạt được tướng ở trong tánh đức, trong tánh đức cũng có đầy đủ đạt được tướng mạo, cho nên nói rất ráo đấng. Đại Kinh chép: “Trên núi Tuyết có Diệu Dực Vương cũng có cổ độc, một cõi địa ngục còn có đủ mười pháp tánh tướng của Quả Phật, huống chi cõi khác ư? Địa ngục cùng có chín giới, cõi khác

cùng có cũng như vậy. Bồ-tát quán sát sâu sắc chúng sanh mười pháp giới, ngàn loại tánh tướng có đủ ở một tâm. Xa luận về cội nguồn soi chiếu cái ác của tánh đức - cái thiện của tánh đức đó, hãy còn tự nhiên yên tĩnh như thế, hướng chi không soi chiếu tu đạt được thiện ác ư? Như thấy núi Tuyết, Dược Vương - cỏ độc, vì quán sát tánh đức ác độc mà xót xa buồn đau, khởi lên tâm đại bi muốn dứt trừ nỗi khổ đó, vì quán sát tánh đức tốt lành vui vẻ mà ái niệm vui mừng, khởi lên tâm đại từ muốn ban cho niềm vui đó. Mười pháp giới này thu nhận hết tất cả chúng sanh chẳng gì không hết, duyên với giả danh chúng sanh này để tu từ, há chẳng phải chúng sanh tử Phổ hay sao?

Hỏi: Khổ sâu nặng của cõi địa ngục chưa dứt trừ, vì sao nói ban cho niềm vui?

Đáp: Một là lúc chúng sanh vào địa ngục thường khởi lên ba niệm, Bồ-tát tát nhân theo cơ hội đó lập tức ban cho sự vui sướng, cho nên nói ban cho niềm vui. Lại, Bồ-tát thường đại bi thay thế chịu khổ, khiến cho khổ đau dừng nghỉ, cõi khác khổ đau không sâu nặng nên nghĩa ban cho niềm vui có thể hiểu được.

Pháp duyên từ: Quán tánh tướng mười pháp giới tất cả thiện ác đều là hư không, mười pháp giới giả danh thì giả danh đều là không, mười pháp giới sắc thọ tưởng hành thức mà hành thức đều là không, mười pháp giới xứ sở mà xứ sở đều là không, vô ngã vô ngã sở đều không thật có, như huyễn như hóa không có gì chân thật, tướng thường vắng lặng cuối cùng trở về không, vì sao chúng sanh cố chấp suy nghĩ là thật? Vì chúng sanh không giác ngộ không biết là khổ là não, không đạt được niềm vui vô vi vắng lặng, dứt trừ khổ này của họ mà phát khởi đại bi, muốn mang lại niềm vui này cho họ cho nên phát khởi đại từ. Kinh Tịnh Danh chép: “Có thể vì chúng sanh nói ra pháp như vậy, chính là Chân Thật từ”. Nếu duyên với pháp của một pháp giới phát khởi Từ ấy thì có thể không gọi là Phổ, nay duyên với Pháp của mười pháp giới chẳng lẽ không phải là phổ hay sao? Đó gọi là Pháp duyên Từ Phổ.

Ba là Vô duyên từ: Nếu duyên với các tánh tướng sai khác về giả danh của mười pháp giới. Giả này thì chẳng phải Giả, mười pháp giới như huyễn như hóa - không thì chẳng phải không, chẳng phải giả cho nên không duyên với tánh tướng mười pháp giới, chẳng phải không cho nên không duyên với chân thật của mười pháp giới. Đã ngăn dứt hai bên này không trú, không đắm, gọi là Trung đạo, cũng không có Trung đạo để duyên thì rốt ráo thanh tịnh. Lúc quán sát như vậy tuy chẳng duyên với Không - Giả, mà tùy ý cùng chiếu soi cả hai bên, khởi từ bi

vô duyên dứt trừ khổ hai tử, mang lại niềm vui của Trung đạo. Như nam châm hút sắt, không có người bảo mà tự nhiên tương ứng, từ bi vô duyên hút cơ nghi ba để lại không sai lầm, không cần phải thể hiện ý niệm cho nên nói là Từ bi vô duyên. Hành giả bắt đầu ở địa vị phạm tục tu từ bi này, thì sẽ được vào năm phẩm đệ tử, quán sát thực hành từ bi vô duyên, tiến vào địa vị Thập tín tương tự từ bi vô duyên đi vào Thập trú, mới là phân chứng từ bi vô duyên, cho đến Đẳng giác gần cạnh cực điểm từ bi xông ướp chúng sanh, không lay động như gương sáng, không suy niệm như nam châm tùy ý hút sắt, cho nên gọi là từ bi vô duyên ba để đầy đủ gọi đó là phổ, thông suốt đến Trung đạo cho nên gọi là Môn.

2. *Hoàng thệ phổ*: Hoàng là rộng, Thệ là chế, Nguyện là yêu cầu. Vì thế cho nên lập chế cai quản tâm đó rộng ra tìm cầu pháp thù thắng, đó gọi là Hoàng thệ. Hoàng thệ là nguồn gốc thành tựu từ bi. Từ bi đã duyên với khổ vui thì Hoàng thệ cũng dựa vào bốn đế. Nếu thấy khổ đế bức bách rõ ràng hiểm độc chua xót, duyên vào đây phát khởi thệ cho nên nói chưa độ khiến cho độ. Nếu thấy tập đế điên đảo trôi lăn mê hoặc ràng buộc, sanh tử mê mờ lại không có bến bờ, thật đáng buồn thương, duyên vào đây phát khởi thệ cho nên nói chưa giải thoát khiến cho giải thoát. Đạo thanh tịnh mà chúng sanh không nhận ra, người thực hành đạo này có thể thoát ra sanh tử đến nơi an vui, muốn bày tỏ chúng sanh tồn tại ở đạo này, cho nên nói chưa an khiến cho an. Nơi phiền não dứt trừ gọi là Niết-bàn, hạt giống quả ràng buộc dứt, thu được hai Niết-bàn, duyên vào đây phát khởi thệ cho nên nói chưa đạt được Niết-bàn khiến cho đạt được Niết-bàn. Nhân của sanh tử khó nhận biết mà quả khổ đau dễ dàng biết được, cho nên trước là quả sau là nhân. Diệu lý Niết-bàn cần phải phương tiện hết sức, cho nên trước là nhân sau là quả. Đại Kinh chép: “không hiểu cách dùi mài, lay động thì sữa đặc còn khó đạt được huống chi lại là bơ sống đề hồ?”. Bốn ý như vậy chỉ hướng về một, chỉ vì tâm mê mở phát khởi nghiệp thì nghiệp liền chiêu cảm quả, muốn nhận biết nguồn gốc của quả thì biết biết tập nhân của quả, hạn định tâm ngưng lại nghiệp thì sanh tử lần lượt hỏng mất, điều phục phiền não gọi là Đạo, tu hành không lười nhác kiên trì nhẫn nại làm cho sáng tỏ, hạt giống quả đều dứt trừ chứng tận vô sanh, gọi là Diệt. Tuy có bốn thứ khác nhau nhưng rốt cuộc là một niệm, càng chẳng phải pháp khác, bốn đế đã như vậy thì hoàng thệ cũng như thế.

Kế là nói về Phổ và không Phổ, Nếu phạm phu đã chán ghét cõi dưới mà bám víu cõi trên, dựa vào đây lập thệ thì không gọi là Phổ. Nhị thừa thấy nhà lửa ba cõi sợ hãi điều này mà tu đạo, đây chính là

thấy phần đoạn bốn đế cũng không gọi là Phổ. Nếu Biệt giáo trước hết dựa vào phần đoạn - kế là dựa theo Biến dịch, đây cũng chẳng phải là Phổ. Nếu Bồ-tát Viên giáo ở trong một tâm soi chiếu tất cả khổ tập diệt đạo, biết khắp cả kiến ái phàm phu tức là Tập của hữu tác; nhị thừa mê đắm không tức là Tập của vô tác, nên kinh Tịnh Danh chép: “Pháp gọi là vô nhiễm, nếu nhiễm các pháp, đó gọi là nhiễm pháp, chẳng phải cầu pháp”. Lại chép: “Kết tập chưa hết, phần thịnh thì mê đắm thân, tức là hoặc của Biến dịch hoàn toàn chưa trừ diệt”. Đại Kinh nói: “Tỳ kheo các thầy đối với Đại Thừa này chưa phải chánh pháp trừ các kiết sử tức là vô tác tập cho đến thuận theo đạo pháp mà ái sanh khởi cũng là vô tác tập, đó gọi là biết khắp cả tập. Biết khắp cả khổ ấy là, vì hữu cho nên lập tức thể dẫn đến khổ báo, tập của hữu tác dẫn đến khổ phần đoạn, tập của vô tác dẫn đến khổ Biến dịch, tức là biết khổ đế. Biết khắp cả đạo diệt đối trị khổ tập, thuận theo năm giới cõi - mười điều thiện không lay động không vượt ra, bốn đế - mười hai nhân duyên của nhị thừa, thông suốt đến Niết-bàn hữu dư vô dư, Thông giáo cũng như vậy. Biệt giáo trải qua riêng khác thông suốt đến thường trụ, không thể đối với một đạo có vô lượng đạo, không gọi là Phổ đạo. Trung đạo Viên giáo chính là thật tướng, Phổ Hiền Quán chép: “Nhân Đại Thừa ấy là Thật tướng các pháp, tu như đạo này gọi nhân trọn vẹn xứng đáng là Phổ đạo. Vì vậy Niết-bàn đã đạt được chính là rốt ráo thường trụ, tất cả phiền não không bao giờ còn trừ bỏ, giống như kiếp hỏa không còn để lại tro tàn, nên gọi là Phổ diệt. Vốn quán sát bốn đế đã hoàn tất, duyên vào để phát khởi thế sao có thể không rộng khắp, cho nên gọi là Hoàng thế Phổ. Sử dụng riêng quán sát tánh đức mười pháp giới tu được thiện ác, mà phát khởi hoàng thế nói về Phổ - không Phổ, tự chỉ là một chi tiết nghĩa lớn, có khác với bốn đế nói trên cho nên tránh sử dụng thì tốt hơn!

3. *Nói về Tu hành Phổ*: Trước trình bày thứ lớp tu hành, kế là nói tu hành không thứ lớp, đầy đủ ở trong Đại Bốn Hạnh Diệu.

4. *Nói về Đoạn hoặc Phổ*: Nếu từ giả đi vào không chỉ dứt bốn trụ hoặc, phần thịnh còn đắm mê thân, chưa phải là chánh pháp trừ diệt các kiết sử, chỉ xa lìa luống dối chẳng phải giải thoát tất cả. Nếu từ Không đi vào giả chỉ dứt trừ hoặc trần sa, không dựa theo căn bản là dứt cũng không gọi là Phổ. Nếu chẳng có hai chánh quán Giả không Trung đạo như gốc rễ đã sụp đổ thì cành lá tự mất, như lật mặt đất lên thì cỏ cây đều tàn lụi, cho nên gọi là Đoạn hoặc Phổ.

5. *Nhập pháp môn Phổ*: Nhị thừa nếu đi vào một pháp môn thì

không thể đi vào hai, hướng chi là nhiều. Nếu tu trải qua hạnh riêng khác thì đẳng cấp cạn sâu khác nhau. Mình chỉ biết một pháp môn này ngoài ra không thể biết được, đây cũng chẳng phải là Phổ. Nếu nhập vào Tam-muội Vương thì tất cả đều hòa nhập trong đó, giống như nhà vua đến thì chắc chắn có quân trại đi theo, quân trại đi theo lại có quân trại tùy tùng, Tam-muội Vương cũng như vậy, nhập vào Tam-muội này thì tất cả Tam-muội đều hòa nhập trong đó, đó là ba đế Tam-muội, ba đế Tam-muội lại có vô lượng pháp môn để làm quyến thuộc, cũng đều biết hòa nhập trong Vương Tam-muội, cho nên gọi là nhập pháp môn Phổ.

6. *Thần thông Phổ*: Nếu thiên nhãn của Đại La-hán nhìn thấy thế giới đại thiên Bích Chư Phật nhìn thấy trăm cõi Phật, Bồ-tát nhìn thấy hàng sa cõi Phật, đều là tất cả hạn lượng cho nên không gọi là Phổ. Vì sao? Vì duyên theo cảnh đã hạn hẹp mà mở rộng thông suốt cũng nhỏ. Nay Bồ-tát Viên giáo duyên theo cảnh mười pháp giới mở rộng tất cả, nhìn thấy khắp cả mười pháp giới mà không giới hạn cuối cùng, ba thừa còn không biết tên gọi đó, hướng chi nhìn thấy cảnh giới đó; mắt nhìn thấy đã như vậy những thần thông khác theo đó có thể biết, trong Thần thông diệu sẽ giải thích rộng hơn.

7. *Phương tiện Phổ*: Tiến hành phương tiện là phương tiện trước của Đạo, khởi dụng phương tiện là phương tiện sau của Đạo. Nay chính là trình bày phương tiện sau của Đạo. Hoặc như nhị thừa và tiểu Bồ-tát thực hành phương tiện đi vào pháp môn, hoặc muốn giáo hóa người khác bằng vốn đạt được của họ mà phát khởi dụng cảm hóa vật, phương tiện trước sau của Đạo cùng chẳng phải Phổ. Bồ-tát Viên giáo dùng hai đế làm phương tiện, thâm nhiếp tất cả phương tiện, đi vào Trung đạo rồi soi chiếu cả hai đế, hai đế thần thông biến hóa rộng khắp mười pháp giới, mà đối với Pháp thân không có gì tổn giảm, phương tiện trước sau Đạo đều gọi là Phổ.

8. *Nói pháp Phổ*: Nhị thừa và tiểu Bồ-tát nói pháp không thể nào trong một lúc trả lời khắp cả tiếng của mọi người, lại địa phương khác nhau phong tục sai khác không thể nào khiến cho họ cùng hiểu. Đại kinh chép: “Câu-hy-la ở trong các Thanh-văn là người đứng đầu về bốn vô ngại biện, chẳng phải gọi là Bồ-tát”. Nay người Viên Giáo một âm thanh giảng nói pháp, tùy theo chủng loại được hiểu rõ, dùng một Diệu âm đầy khắp cả mười các thế giới trong phương, như đàn cầm Tu-la đến tùy theo ý người phát ra âm thanh, cho nên gọi là nói pháp, trong Nói pháp Diệu có nói rộng.

9. *Cúng dường chư Phật Phổ*: Ngay đây chia làm hai: Một là sự, Hai: là lý. Kinh Hoa nghiêm chép: “Không vì cúng dường một đức Phật một cõi nước, vô lượng hằng sa chư Phật, cho đến vì cúng dường chư Phật không thể nói không thể nói hết, có thể không khởi diệt định hiện rõ các oai nghi, an thiền chấp tay khen ngợi các đấng Pháp vương, đem thân mạng tài vật và tất cả vật dụng cúng dường, cùng khắp đến mười phương, ví như mây mưa cúng dường chư Phật”. Lý giải là: Tâm chánh quán, trí tuệ viên mãn gọi là Giác, Giác nghĩa là của Phật, muôn hạnh công đức huân tu trí này - trí này gọi là nhất thiết. Tu công đức để cúng dường trí này, tức là cúng dường Nhất-thiết-trí. Kinh Tịnh Danh chép: “Đem một món ăn giúp cho tất cả”, vì thế nói là cúng dường chư Phật Phổ.

10. *Thành tựu chúng sanh Phổ*: Ví như ánh chớp đom đóm, đèn đuốc - trăng sao là ích lợi che trùm nhỏ bé ánh mặt trời soi chiếu thế gian, tất cả cây cỏ rừng rậm khắp nơi khiến cho lớn lên hoa trái thành tựu, ngoại đạo như ánh lửa đom đóm, Nhị thừa như đèn đuốc, Thông giáo như sao - Biệt giáo như trăng, nghĩa thành tựu theo trên. Nay bậc Thánh Viên giáo từ bi thêm nhiều lợi ích, hai lợi ích ngậm kín và hiển lộ mà không hạn lượng. Kinh Hoa nghiêm chép: “Bồ-tát không vì một chúng sanh, một cõi nước, một phương chúng sanh mà phát tâm Bồ-đề, chính là vì cõi Phật không thể nói không thể nói hết - vô lượng hằng sa cõi nước chúng sanh mà phát tâm, thành lập lợi ích trong một lúc cùng thấm nhuần”. Ví như mưa lớn cùng tuôn xuống tất cả bốn phương, nên gọi là thành tựu chúng sanh Phổ. Nghĩa của Phổ Môn đâu hạn lượng đâu biên giới đâu thể cùng tận mà hạn như Tịnh Danh không thể thọ trì! Nay Quán Thế Âm Phổ Môn này chính là đối với ba tên gọi, Quán tức là Giác, giác gọi là Phật, Thế Âm là cảnh, cảnh chính là Như, Phổ Môn tức là Chánh biến tri. Ba nghĩa này không thể cùng tận, nếu nhìn thấy ý đó thì tự nhiên nói. Chỉ dựa theo phẩm Phổ Môn tìm nghĩa mười Phổ để chứng minh thành tựu điều này. Nếu như: “Quán Âm thương mọi người trong bốn chúng nhận chuỗi anh lạc đó”. Đã nói mọi người thì không vì một người, mẫn nghĩa là bi thương, đây chính là Từ Bi Phổ. Có từ bi thì tùy ý có nghĩa Hoàng Thệ Phổ. “Dùng các thứ hình tướng đạo đến các cõi nước độ thoát chúng sanh”, tức là tịnh Phật cõi nước, há chẳng phải Tu hành Phổ hay sao? Tự mình đã không ràng buộc thường cởi mở ràng buộc cho người khác, tự mình không độc hại giúp cho người khác lìa xa độc hại, “trong một lúc xưng niệm danh hiệu điều được giải thoát,” đều là ý nói riêng mình và tất cả há chẳng phải Đoạn

hoặc Phổ hay sao? “Phổ Môn thị hiện” tức là Nhập Pháp Môn Phổ. “Lực của phương tiện” “Là Phương Tiện Phổ” “Lực thần thông ấy” tức là Thần Thông Phổ. “Mà vì đó nói pháp”, tức là nói Pháp Phổ. “Nhiều điều lợi ích” tức là thành Tựu chúng sanh Phổ “chia làm hai phần dâng lên hai đức Như-lai” tức là cúng dường chư Phật Phổ. Nghĩa ý như vậy đều ở trong văn kinh, cho nên dẫn ra để làm chứng cứ.

Thứ hai là giải thích về thể: Dùng linh trí kết hợp với pháp thân làm thể, nếu kinh khác nói về ba thân ấy, thì chỉ dùng pháp thân làm thể. Phẩm này chỉ có nghĩa về hai thân, cho nên dùng lý trì hợp lại làm thể, chỉ vì trí này chính là lý thật tướng. Vì Sao? Vì nếu không có linh trí thì thật tướng ẩn kín, gọi là Như-lai tạng. Nay biết tướng Quyền thật và lý không hai, như tên gọi trái phải. Nếu nói về nghĩa của thể thật tướng, mở rộng này thì xem trong Đại Bản Huyền Nghĩa.

Thứ ba nói về tông: lấy cảm ứng làm Tông, cơ của mười cõi hợp với tri thức của tịch chiếu, làm cho có ích lợi trước sau cảm ứng. Văn nói ích lợi tuy nhiều mà chỉ là thẳng đem sự cảm ứng đến chỗ thân nhận như giạt lưới thì mất lưới lay động, cho nên dùng cảm ứng làm Tông. Kinh khác hoặc dùng nhân quả làm Tông, phẩm này không như vậy ấy là, nói nhân quả thông suốt từ phàm phu cho đến Thượng địa, đều có nhân quả, năng cảm sở cảm đều có nhân quả, nhưng ý văn kinh dường như không nói đến điểm này. Cơ mọi người tuy có nhân quả nhưng lấy cảm làm tên gọi. Bậc Thánh tuy không nhân quả nhưng lấy ứng làm tên gọi, thì giúp cho văn nghĩa thuận tiện.

Nghĩa cảm ứng có sáu.

1. Nêu tên gọi.
2. Giải thích tướng.
3. giải thích đồng khác.
4. Nói về tương đối.
5. Nói về Phổ không Phổ.
6. Giải thích về quán tâm, đầy đủ ở đại Bản.

Hỏi: Nếu nói cơ là sắp phát sanh thiện nhỏ bé, ác nhỏ bé sắp phát sanh cũng là cơ phải không?

Đáp: Đúng thế. Hỏi: Cơ là thiện hay bất thiện? Nếu đã là thiện thì đâu cần phải cảm Thánh? Nếu không là thiện sao có thể nói thiện sắp phát sanh? Đáp: Thánh thiện ẩn nấp sâu xa giống như hoa sen ở trong bùn, bậc Thánh nếu ứng giống như mặt trời soi chiếu thì lộ ra.

Lại hỏi: Nếu nói cơ là quan hệ ấy là quan hệ thiện hay quan hệ bất thiện? Nếu đã là thiện thì đâu cần phải quan hệ với Thánh mà trở

thành thiện? Nếu chẳng phải thiện thì làm sao có thể quan hệ với Thánh mà trở thành chẳng phải thiện? Phàm Thánh rành mạch như thế đâu hề có quan hệ với nhau?

Đáp: Thiện quan hệ đối với Đại từ - ác quan hệ đối với Đại bi, cho nên nói quan hệ lẫn nhau.

Hỏi: Nếu nói là thích nghi giải thích cơ, đây chính là tùy người quán cơ cùng dùng với lời nói, đâu giải thích nghĩa của cảm?

Đáp: Nấp tròn đáy tròn thì thích hợp nhau.

Hỏi: Dùng pháp thân để ứng hay dùng ứng thân để ứng? Ứng thân vô thường vậy thì không ứng, nếu Pháp thân ứng thì chẳng phải pháp thân?

Đáp: Pháp đã nói là thân sao không nói ứng? Ứng thân đã gọi là ứng, vì sao không ứng? Cho nên cùng ứng.

Lại hỏi: Cảm ứng là một hay khác. Nếu một cảm tức là ứng thì phàm sẽ thành Thánh, nếu khác thì không liên quan với nhau?

Đáp: Không phải một không phải khác mà nói về cảm ứng.

Hỏi: Cảm ứng là hư hay thật? Nếu là thật thì phàm phu là thật, thật thì sao có thể thay đổi? Nếu nói là hư thì hư thay đổi chỗ nào?

Đáp: Vân vân. Vì người khác hỏi: bậc Thánh là sở cảm - phàm phu là năng cảm, bậc Thánh là năng ứng - phàm phu là sở ứng, sở cảm chẳng phải cảm - sở ứng chẳng phải ứng, vì sao nói đường cảm ứng giao nhau? Đáp: Sở cảm thật ra không cảm, thuận theo cảm gọi là sở cảm, nói bậc Thánh là sở cảm. Sở ứng thật ra không ứng, thuận theo ứng gọi là sở ứng, nói phàm phu là sở ứng, trở lại là cảm sở làm ứng năng, ứng năng làm cảm sở, cũng là ứng sở làm cảm năng, cảm năng làm ứng sở, đã không có thật sự của cảm ứng, cũng chẳng có khác nhau về cảm ứng. Chẳng khác nhau mà khác nhau, bậc Thánh ẩn kín sở cảm - gọi là năng ứng, phàm ẩn kín sở ứng - gọi là năng cảm cho nên nói đường cảm ứng giao nhau. Chất vấn riêng lời nói này, nếu thật sự không khác nhau về cảm ứng, nay bậc Thánh ẩn kín năng cảm - phàm ẩn kín năng ứng, sao không thể bậc Thánh ẩn kín năng ứng, phàm ẩn kín năng cảm? Nếu vậy thì chẳng có khác nhau giữa phàm bậc Thánh. Nếu không như vậy thì cảm ứng sẽ khác nhau sao nói là không khác nhau? Còn cảm năng không có thật cảm năng, mà lại gọi cảm năng sao chẳng gọi là ứng năng? Nếu ứng sở không thật sao không gọi là cảm sở? Nếu vậy thì không có phàm Thánh cảm ứng, nếu không vậy thì khác nhau sao nói là không khác nhau? Lại chất vấn nếu dùng cảm năng làm ứng chỗ sở cảm làm ứng năng, đây là nghĩa tự phát sanh. Nếu năng ứng chỉ là sở ứng

- năng cảm chỉ là sở cảm, lại là nghĩa tự phát sanh. Nếu ứng năng phát sanh ứng sở - cảm năng phát sanh cảm sở, năng cảm phát sanh sở cảm - sở cảm phát sanh năng cảm, năng ứng phát sanh sở ứng- sở ứng phát sanh năng ứng, đều là từ người khác phát sanh, chẳng lẽ không phải là nghĩa của tánh người khác hay sao? Nếu cùng phát sanh thì có hai lỗi, nếu lia cả hai thì rơi vào lỗi vô nhân.

Hỏi: Nếu vậy thì không có cảm ứng ư?

Đáp: bậc Thánh lấy pháp bình đẳng vô trú mà không trú cảm dùng bốn tất-đàn tùy cơ ứng như vậy.

Hỏi: Thiện của vọng chấp có thể cảm hay không?

Đáp: Vọng chấp là ác cũng có thể cảm.

Hỏi: Vọng chấp đã chẳng phải một - ứng cũng là hai ư?

Đáp: Ứng vốn không hai vì duyên chỗ nào mà không thực hiện.

Hỏi: Hễ gọi là bình thường kỳ quái, thiện thì làm cho vui sướng - ác thì cảm lấy khổ đau. Bậc Thánh gọi là chánh, chánh thì chẳng thiện, chẳng ác chẳng khổ chẳng vui. Sự kỳ quái của thiện ác làm sao có thể cảm đến chánh của chẳng thiện chẳng ác được?

Đáp: Chánh Thánh từ bi dứt trừ chỗ kỳ quái của thiện ác đó, khiến cho đi vào cái chánh của chẳng thiện chẳng ác, cho nên có cảm ứng.

Thứ tư là từ bi lợi vật làm dụng. Hai trí không thích hợp để dùng ư? Đáp: Nói hai trí là nói nay riêng dựa theo văn, vì ích lợi ngầm kín và rõ ràng rất nhiều, cho nên lấy điều này làm dụng như vậy. Người khác giải thích: Pháp thân lợi ích kín đáo là thường, ứng thân tạm thời phát ra trở lại ẩn kín là không thường. Nay nói: pháp thân thường vắng lặng mà thường soi chiếu lý này đương nhiên như vậy. Ứng thân khắp mọi nơi lợi ích mà chưa hề ngừng bỏ cũng là nghĩa của thường. Nếu nói có ứng không ứng cho rằng không thường ấy, thì Pháp thân cũng có ích, không có ích cho nên biết đều là thường không thường cùng có ngầm kín hiện rõ, như mặt trăng mặt trời cùng soi chiếu thì một thiếu một thừa. Như lai thường dùng hai pháp thường và không thường huân tu chúng sanh, cho nên nói hai chim cùng đi lại, mà gọi là thường không thường như vậy. giống như trồng trọt hoặc mượn gió mưa mặt trời bên ngoài - có khí đất ẩm áp tưới nhuần bên trong, mà muôn vật được lớn lên, hai lợi ích ngầm kín và hiển lộ cũng giống như vậy, trong đây ứng dụng Tam-muội Vương mười lăm phá trừ hai mươi lăm hữu, để giải thích về dụng của từ bi lợi ích chúng sanh, có nói đủ trong Đại Bản Huyền Nghĩa.

Hỏi: Quán Âm lợi ích cho chúng sanh rộng lớn như vậy, là đã thành Phật hay còn là Bồ-tát? Đáp: Bồn địa khó biết nhưng kinh có hai

nói. Như kinh Quán Âm thọ ký chép: “Quán Âm - Thế Chí được Tam-muội như huyễn, vòng quanh qua lại mười phương để hóa độ chúng sanh. Xưa kia vào thời Kim Quang Sư Tử Du Hí Như-lai - nhà vua tên là Uy Đức, hóa sanh hai người con bên trái là Bảo Ý tức Quán Âm, bên phải là Bảo Thượng tức Thế Chí, hướng về thưa hỏi đức Phật cúng dường cách nào tốt nhất? Đức Phật dạy: Nên phát tâm Bồ-đề thuận theo Như-lai bắt đầu phát tâm Bồ-đề, kế Phật A-Di-Đà về sau sẽ thành chánh giác. Quán Âm hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương, Thế Chí hiệu là Thiện Trú Công Đức Bảo Vương”. Còn kinh Như-lai tạng cũng chép: “Quán Âm, Văn-thù đều chưa thành Phật” Hoặc kinh Quán Âm Tam-muội nói” Trước đã thành Phật gọi là Chánh Pháp Minh Như-lai, Thích-ca làm đệ tử khổ hạnh của đức Phật kia”. Hai văn trái nhau nói như vậy là vì sao? Chính là bốn tất-đàn hóa độ chúng sanh, không thể cầu tìm sự thật đó.

Thứ năm là nói về giáo tướng: Nói về Quán Âm thì các kinh, bộ rất nhiều, hoặc Thỉnh Quán Thế Âm - Quán Âm Thọ Ký - Quán Âm Tam-muội - Quán Âm Sám Hối - Đại Bi Hùng Mãnh Quán Thế Âm v.v... Đều khác nhau, nay phần vốn lưu truyền ấy chính là một phẩm gồm một ngàn năm trăm ba mươi (1530) chữ trong kinh Pháp Hoa, mà bản lưu truyền riêng ấy, chính là Pháp sư Đàm Ma La Sám cũng gọi là Bồ-tát Y Ba-lặc, du hóa Thông Lĩnh tới Hà Tây, vua Hà Tây là Thợ Cừ Mông Tồn quy mạng chánh pháp, cùng có bệnh tật để bày tỏ với Pháp sư. Sư chép: “Quán Thế Âm có duyên với cõi này”, bèn khiến tụng niệm thì bệnh liền lành. Nhân vậy lưu truyền riêng một phẩm lưu thông ngoài bộ phận. Phẩm này là phần lưu thông trong kinh Pháp Hoa, đã thông suốt với giáo bổ quyền bày thật, khiến cho hai lợi ích ngầm kín và hiển lộ phủ trùm ở tương lai. Dùng thân mười pháp giới cảm ứng trọn vẹn tất cả, khiến cho được giải thoát, người hoàn bị nắm giữ pháp đầy đủ lưu thông giáo pháp tròn đầy này, chính là tướng viên giáo lưu thông. Năm vị để luận bàn tức là lưu thông vị đề hồ.

Hỏi: Văn chép: “Năng lực phương tiện nhiều loại không giống nhau”, nói cũng cần phải khác nhau, sao có thể là tướng viên giáo?

Đáp: Dựa theo người năng nói làm viên, mở rộng Viên giáo hợp khắp căn cơ trong pháp giới, căn cơ tuy không giống nhau nhưng không thể khiến cho người có khả năng nắm giữ pháp tùy cơ mà đầy khắp. Ví dụ như Phật đối với một thừa chia ra nói hành ba, chẳng lẽ có thể làm cho Phật sẽ thành Thanh-văn- Duyên-giác hay sao? Lại phó chúc rằng: “Nếu người tin hiểu sâu sắc thì vì họ nói kinh này, nếu người không tin

thì đối với pháp sâu xa khác chỉ dạy cho được lợi ích vui mừng” đã nhận ý chỉ của Phật trọn vẹn lưu lại muôn cơ thì nhiều loại không như nhau chỉ là lưu thông viên giáo. Lại hỏi: Người năng nói hoàn bị đối với giáo cũng trọn vẹn, người thực hành với các căn cơ khác nhau thì người này thọ theo giáo nào? Nếu thọ theo giáo nghiêng lệch thì ở vườn Nai giống như người - nếu thọ theo Viên giáo thì căn cơ cũng thích ứng? Một trả lời: Nơi vườn Nai xưa kia Phật chưa phát Bốn hiển rõ Tích, không gom ba về một, người pháp chưa trọn vẹn, thọ theo phương tiện không được gọi là Viên. Nay kinh đã bày quyền thật, tuy là nhiều loại thân mà bốn tích chỉ một không thể nghĩ bàn, tuy nói ra nhiều loại pháp nhưng vì mở bày Viên đạo, đối với nghĩa không sai lầm. Hỏi: Văn trên nói chính là thẳng thắn bỏ ngang phương tiện, trong này sao nói dùng phương tiện? Đáp: Trên chính là hiển bày thật cho nên nói xả bỏ điều đó, ở đây nói về dụng cho nên nói là thị hiện. Thể và Dụng không thể nghĩ bàn.

